

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**ĐỀ TÀI: KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN NAM TÀI PHÁT**

GVHD	: TH.S PHẠM MINH PHƯƠNG
SVTH	: NGUYỄN THANH PHƯƠNG
MSSV	: 2054020069
LỚP	: 20KH2
KHÓA HỌC	: 2020 – 2024

Đà Nẵng, năm 2024

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN	VI
LỜI MỞ ĐẦU	VII
CHƯƠNG I : CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....	1
1.1. Một số vấn đề chung liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	1
1.1.1. <i>Khái niệm về doanh thu</i>	1
1.1.2. <i>Khái niệm về chi phí</i>	1
1.1.3. <i>Khái niệm kết quả hoạt động kinh doanh</i>	1
1.1.4. <i>Ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh</i>	2
1.1.5. <i>Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh</i>	2
1.2. Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	3
1.2.1. <i>Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	3
1.2.2. <i>Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu</i>	7
1.2.3. <i>Kế toán doanh thu hoạt động tài chính</i>	9
1.2.4. <i>Kế toán thu nhập khác</i>	12
1.2.5. <i>Kế toán giá vốn hàng bán</i>	14
1.2.6. <i>Kế toán chi phí bán hàng</i>	18
1.2.7. <i>Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	21
1.2.8. <i>Kế toán chi phí tài chính</i>	24
1.2.9. <i>Kế toán chi phí khác</i>	27
1.2.10. <i>Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	28
1.2.11. <i>Kế toán xác định kết quả kinh doanh</i>	32
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN NAM TÀI PHÁT.....	34
2.1. Giới thiệu tổng quan về công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Nam Tài Phát	34
2.1.1. <i>Sơ lược về công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Nam Tài Phát</i>	34
2.1.2. <i>Quá trình hình thành và phát triển</i>	34
2.1.3. <i>Lĩnh vực hoạt động kinh doanh</i>	34
2.1.4. <i>Chức năng và nhiệm vụ</i>	34
2.1.5. <i>Bộ máy quản lý của công ty</i>	35
2.1.6. <i>Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty</i>	38
2.1.7. <i>Chính sách chế độ kế toán</i>	39
2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Nam Tài Phát.....	40

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	40
2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại công ty TNHH MTV Nam Tài Phát.....	49
2.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty TNHH MTV Nam Tài Phát.....	49
2.2.4. Kế toán thu nhập khác tại công ty TNHH MTV Nam Tài Phát.....	54
2.2.5. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH MTV Nam Tài Phát	54
2.2.6. Kế toán chi phí bán hàng tại công ty TNHH MTV Nam Tài Phát	60
2.2.7. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty TNHH MTV Nam Tài Phát.....	66
2.2.8. Thực trạng công tác kế toán chi phí tài chính tại công ty TNHH MTV Nam Tài Phát	69
2.2.9. Thực trạng công tác kế toán chi phí khác tại công ty TNHH MTV Nam Tài Phát.	74
2.2.10. Thực trạng công tác kế thuế thu nhập doanh nghiệp tại công ty TNHH MTV Nam Tài Phát.	74
2.2.11. Thực trạng công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Nam Tài Phát.	76

CHƯƠNG III: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV NAM TÀI PHÁT

3.1. Đánh giá chung về hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác tổ chức kế toán tại công ty TNHH MTV Nam Tài Phát.....	84
3.1.1. Đánh giá chung về hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty TNHH MTV Nam Tài Phát	84
3.1.2. Đánh giá chung về công tác tổ chức kế toán tại công ty TNHH MTV Nam Tài Phát.....	84
3.2. Đánh giá về công tác doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Nam Tài Phát	84
3.2.1. Ưu điểm về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát	84
3.2.2. Nhược điểm về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Nam Tài Phát	85
3.3. Một số giải pháp nhằm cải thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh và nâng cao hiệu quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Nam Tài Phát.....	85

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1 : Hạch toán trường hợp bán hàng trực tiếp và chuyển hàng theo hợp đồng	6
Sơ đồ 1.2 : Hạch toán trường hợp trả chậm, trả góp	6
Sơ đồ 1.3 : Hạch toán trường hợp bán hàng bên giao đại lý	7
Sơ đồ 1.4 : Hạch toán trường hợp bán hàng bên nhận đại lý	7
Sơ đồ 1.5 : Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu	9
Sơ đồ 1.6 : Hạch toán doanh thu tài chính.....	11
Sơ đồ 1.7 : Kế toán thu nhập khác	13
Sơ đồ 1.8 : Kế toán giá vốn hàng bán (Kê khai thường xuyên).....	17
Sơ đồ 1.9: Kế toán giá vốn hàng bán (Kiểm kê định kỳ)	18
Sơ đồ 1.10 : Kế toán chi phí bán hàng.....	20
Sơ đồ 1.11 : Hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp	23
Sơ đồ 1.12: Hạch toán chi phí tài chính	26
Sơ đồ 1.13 : Hạch toán chi phí khác	28
Sơ đồ 1.14 : Hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	31
Sơ đồ 1.15 : Hạch toán xác định kết quả kinh doanh	33
Sơ đồ 2.1 : Sơ đồ bộ máy quản lý công ty TNHH MTV Nam Tài Phát	35
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán công ty TNHH MTV Nam Tài Phát	38
Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán Nhật ký chung	40
Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát.	42
Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát	50
Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát	54
Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán chi phí hàng bán tại Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát	60
Sơ đồ 2.8 : Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát	66
Sơ đồ 2.9: Quy trình hạch toán chi phí tài chính tại Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát	69
Sơ đồ 2.10: Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát.....	77
Sơ đồ 2.11: Sơ đồ chữ T hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát	77

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu số 2.1 : Hóa đơn GTGT 25 ngày 13/12/2023	44
Biểu số 2.2 : Hóa đơn GTGT 26 ngày 28/12/2023	45
Biểu số 2.3 : Phiếu thu 15/12	46
Biểu số 2.4 : Phiếu thu 27/12	46
Biểu số 2.5 : Nhật ký chung	47
Biểu số 2.6: Sổ cái TK 511	48
Biểu số 2.7: Giấy báo có	51
Biểu số 2.8: Nhật ký chung	52
Biểu số 2.9: Sổ cái TK515	53
Biểu số 2.10: Phiếu xuất kho số 01/12	56
Biểu số 2.11: Phiếu xuất kho số 02/12	57
Biểu số 2.12: Sổ nhật ký chung	58
Biểu số 2.13 : Sổ cái TK 632	59
Biểu số 2.14: Bảng chấm công	62
Biểu số 2.15: Bảng lương tháng 10	63
Biểu số 2.16: Phiếu chi số 30/10	64
Biểu số 2.18: Sổ cái TK 641	65
Biểu số 2.20 : Giấy báo nợ	71
Biểu số 2.21: Nhật ký chung	72
Biểu số 2.22: Sổ cái 635	73
Biểu số 2.24: NKC TK 821	75
Biểu số 2.25: Sổ cái TK 821	75
Biểu số 2.26: Bảng kê xác định kết quả kinh doanh năm 2023	78
Biểu số 2.27: Phiếu kế toán số 10	78
Biểu số 2.28: Phiếu kế toán số 11	79
Biểu số 2.29 : Phiếu kế toán số 13	79
Biểu số 2.30 : Phiếu kế toán số 14	79
Biểu số 2.31 : Nhật ký chung	79
Biểu số 2.32: Sổ cái 911	81
Biểu số 2.33: Sổ cái 421	82
Biểu số 2.34: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	83

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

DN	Doanh nghiệp
TK	Tài khoản
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
BHXXH	Bảo hiểm xã hội
TSCĐ	Tài sản cố định
QLDN	Quản lý doanh nghiệp
GTGT	Giá trị gia tăng
DT	Doanh thu
CP	Chi phí
LN	Lợi nhuận
HĐKD	Hoạt động kinh doanh
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
K/C	Kết chuyển
MTV	Một thành viên
BL	Bảng lương

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành đề tài khóa luận “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát ” bên cạnh những nỗ lực của bản thân, em cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến quý thầy cô giáo trong Khoa Kinh tế - Trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng. Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc nhất đến Thạc sĩ Phạm Minh Phương đã tận tình hướng dẫn và giúp đỡ em rất nhiều trong quá trình làm khóa luận tốt nghiệp.

Tiếp theo, em xin chân thành cảm ơn Ban lãnh đạo Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát đã tạo điều kiện tốt nhất để em tìm hiểu và nắm rõ các vấn đề liên quan đến quá trình làm khóa luận tại công ty.

Cuối cùng em xin gửi lời cảm ơn đến các chị trong phòng Kế toán đã nhiệt tình giúp đỡ cũng như cung cấp số liệu cần thiết để em có thể hoàn thành khóa luận tốt nghiệp của mình một cách tốt nhất.

Trong quá trình làm khóa luận tốt nghiệp, em cảm thấy rằng mình đã học tập và trải nghiệm được nhiều điều vô cùng hữu ích. Từ đó để em học hỏi và rút kinh nghiệm cho quá trình làm việc sau này của mình.

Khóa luận của em sẽ không thể tránh được những hạn chế, thiếu sót. Em rất mong nhận được những nhận xét và góp ý từ quý thầy cô nhằm giúp bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

LỜI MỞ ĐẦU

Trong quá trình học tập nghiên cứu tại trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng, với sự nhiệt tình giảng dạy và hướng dẫn của giảng viên chúng em đã được cung cấp đầy đủ những lý luận, phương pháp nghiên cứu và hệ thống kế toán.

Nhưng để có thể vận dụng được toàn bộ những kiến thức đã được học thì không thể thiếu những kiến thức thực tế. Vì vậy mà việc vận dụng lý thuyết vào thực tế là vô cùng quan trọng không chỉ đối với em mà tất cả các bạn khác. Vì vậy thực tập, thực hành kế toán tại doanh nghiệp là vô cùng cần thiết, giúp sinh viên chúng em rút ngắn được khoảng cách giữa lý luận và thực tế. Thực tập là cầu nối giúp cho chúng em tiếp cận được với công việc của chúng em sau này khi ra trường.

Trong quá trình thực tập tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nam Tài Phát, được sự giúp đỡ của anh chị phòng Kế toán – Tài chính, em chọn nghiên cứu đề tài: “ **Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên Nam Tài Phát**” bài khóa luận của em đã hoàn thành với nội dung:

Chương I: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Chương II: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nam Tài Phát.

Chương III: Một số nhận xét và đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nam Tài Phát.

CHƯƠNG I : CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.1. Một số vấn đề chung liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh

1.1.1. Khái niệm về doanh thu

Căn cứ theo điều 78 của Thông tư 200/2014/TT-BTC có nêu ra định nghĩa về doanh thu như sau:

- Doanh thu là tổng giá trị lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu không bao gồm phần vốn góp thêm của các chủ sở hữu.
- Doanh thu trong doanh nghiệp bao gồm: doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, doanh thu khác.

1.1.2. Khái niệm về chi phí

Căn cứ theo điều 82 của Thông tư 200/2014/TT-BTC có nêu ra định nghĩa về chi phí như sau:

- Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm các khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.
- Chi phí kinh doanh trong doanh nghiệp bao gồm: giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác.

1.1.3. Khái niệm kết quả hoạt động kinh doanh

Căn cứ theo điều 96 của Thông tư 200/2014/TT-BTC có nêu ra định nghĩa về kết quả hoạt động kinh doanh như sau:

- Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả doanh nghiệp đạt được sau một kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh; là biểu hiện số tiền lãi, lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ nhất định (tháng, quý, năm,...). Đây chỉ là chỉ tiêu tổng hợp rất quan trọng để đánh giá hiệu quả sản xuất của doanh nghiệp.
- Bao gồm:
 - + Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

+ Kết quả hoạt động tài chính: là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

+ Kết quả hoạt động khác: là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác, các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.1.4. Ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh giúp các doanh nghiệp thực hiện:

- Xác định hiệu quả của từng loại hoạt động trong doanh nghiệp.
- Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh.
- Có căn cứ để thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước, thực hiện việc phân phối cũng như tái đầu tư sản xuất kinh doanh.
- Kết hợp các thông tin thu nhập được với các thông tin khác để đề ra chiến lược giải pháp sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất trong tương lai.

1.1.5. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh

- Doanh thu của kỳ kế toán phải được hạch toán theo đúng chuẩn mực và chế độ kế toán quy định hiện hành.
- Doanh thu hàng hóa, dịch vụ phải được hạch toán chi tiết theo từng hoạt động.
- Tổ chức quản lý chặt chẽ tình hình tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ, tình hình thanh toán với người mua, thanh toán với ngân sách nhà nước các khoản thuế tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ phải nộp.
- Lập báo cáo tình hình tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ, báo cáo kết quả kinh doanh.
- Định kỳ tiến hành phân tích tình hình tiêu thụ hàng hóa.
- Cần phân loại, sắp xếp chi phí theo từng nhóm, theo đặc trưng nhất định để phục vụ cho công tác quản lý và hạch toán kế toán.
- Chi phí của kỳ kế toán phải được hạch toán theo đúng chuẩn mực và chế độ kế toán quy định hiện hành.

1.2. Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.1.1. Nguyên tắc hạch toán

- Đối với cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, khi viết hóa đơn giá trị bán hàng thì ghi rõ giá bán chưa thuế GTGT, các khoản phụ thu, thuế GTGT phải nộp và tổng giá thanh toán. Doanh thu bán hàng được phản ánh theo số tiền bán hàng chưa có thuế GTGT.

- Đối với hàng hóa chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu được phản ánh trên tổng thanh toán.

- Đối với hàng hóa thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu thì doanh thu tính trên tổng giá mua bán.

- Doanh thu bán hàng (gồm doanh thu nội bộ) phải được theo dõi chi tiết theo từng loại sản phẩm nhằm xác định chính xác, đầy đủ kết quả kinh doanh của từng mặt hàng khác nhau.

1.2.1.2. Phương thức bán hàng và thanh toán

• Phương thức bán hàng:

- Phương thức bán hàng trực tiếp: Là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho của doanh nghiệp. Hàng hoá sau khi bàn giao cho khách hàng được khách hàng trả tiền hay chấp nhận thanh toán thì xem như đã bán hàng. Phương thức này gồm 2 hình thức bán buôn và bán lẻ.

+ Bán buôn: Là quá trình bán hàng với số lượng lớn, khi chấm dứt hình thức mua bán, phần lớn các sản phẩm còn nằm trong lĩnh vực lưu thông.

+ Bán lẻ: Là quá trình bán hàng với số lượng nhỏ hơn, khi chấm dứt hình thức mua bán các sản phẩm, hàng hóa được sử dụng cho người tiêu dùng. Hiện nay, các doanh nghiệp áp dụng nhiều phương thức bán lẻ như bán hàng thu tiền tập trung (siêu thị, quầy bách hóa lớn,...), bán hàng không thu tiền tập trung (cửa hàng bán lẻ) và bán hàng qua điện thoại.

- Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng: Là doanh nghiệp gửi hàng tại địa điểm đã quy ước trong hợp đồng. Hàng hóa trong quá trình chuyển đi vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Thời điểm khách hàng đã trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán thì khi

ấy sản phẩm được xem như đã tiêu thụ và doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng.

- Phương thức bán hàng thông qua đại lý: Là gửi đại lý bán hay ký gửi hàng hóa là hình thức bán hàng mà trong đó doanh nghiệp giao hàng cho cơ sở đại lý, ký gửi để các cơ sở trực tiếp bán hàng. Bên nhận đại lý, ký gửi sẽ trực tiếp bán hàng, thanh toán tiền hàng và được hưởng hoa hồng đại lý.

- Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp: Là phương thức này, người mua trả tiền mua hàng thành nhiều lần. Doanh nghiệp, ngoài số tiền thu theo giá bán thông thường còn thu thêm người mua một khoản lãi do trả chậm.

- Phương thức thanh toán :

+ Thanh toán bằng tiền mặt : Phương thức này thường được sử dụng đối với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh số tiền nhỏ, tính chất của nghiệp vụ đơn giản, hay thanh toán cho công nhân viên, đối với các nghiệp vụ kinh tế có giá trị lớn hơn phương thức này giảm thiểu được những rủi ro trong thanh toán.

+ Thanh toán không dùng tiền mặt :

• Thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng : Khi bên mua chấp nhận thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng và được ghi trong hoá đơn GTGT với hình thức là chuyển khoản nhưng tại thời điểm đó người mua chưa thanh toán thì kế toán sẽ hạch toán vào sổ vẫn là tài khoản phải thu khách hàng. Khi nhận được giấy báo có và sổ phụ của ngân hàng thì kế toán sẽ hạch toán vào tài khoản tiền gửi ngân hàng.

• Thanh toán bằng bù trừ công nợ : là hình thức thanh toán bù trừ nghĩa vụ với nhau giữa các bên để xác định xem bên nào là bên cuối cùng có nghĩa vụ. Theo đó, các bên trong giao dịch mua bán, cung cấp dịch vụ sẽ đồng thời là người bán và người mua (vừa có công nợ phải thu, vừa có công nợ phải trả).

• Trong trường hợp này, kế toán sẽ thực hiện các công việc sau:

- Xác định các chứng từ công nợ phải thu và chứng từ công nợ phải trả.
- Thực hiện bù trừ giữa công nợ phải thu và công nợ phải trả.
- Cập nhật việc bù trừ công nợ vào sổ theo dõi công nợ.

1.2.1.3. Chứng từ và tài khoản sử dụng

Chứng từ sử dụng:

Theo quy định hiện hành, khi bán thành phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ thì doanh nghiệp phải sử dụng một trong các hóa đơn sau:

+Hóa đơn GTGT: Áp dụng với doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

+Hóa đơn bán hàng: Dùng cho doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp hoặc nộp thuế tiêu thụ đặc biệt..

+Hợp đồng kinh tế, biên bản giao nhận.

+Phiếu thu, phiếu xuất kho, giấy báo có,.. và các chứng từ liên quan

- Tài khoản sử dụng:

Theo thông tư 200/2014/TT-BTC, để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong một kỳ kế toán sử dụng TK 511-Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Tài khoản 511, bao gồm 6 tài khoản cấp 2:

+TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa

+TK 5112: Doanh thu bán các thành phẩm

+TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

+TK 5114: Doanh thu trợ cấp , trợ giá

+TK 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

+TK 5118: Doanh thu khác

Kết cấu tài khoản 511

Tài khoản 511

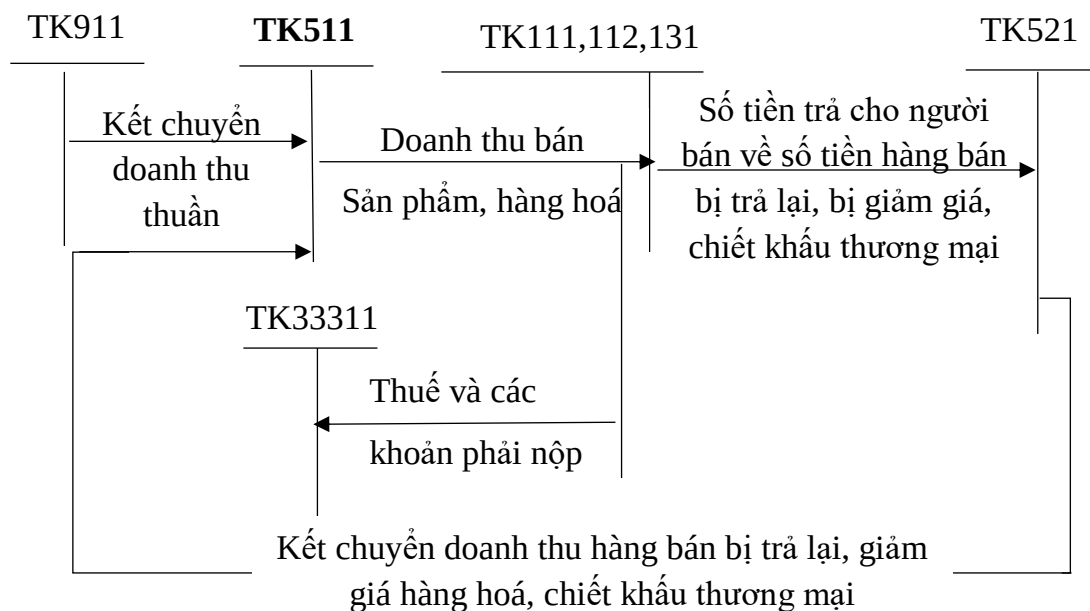
- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, XK, TTĐB, BVMT). - Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ. - Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ. - Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ. - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911” Xác định kết quả kinh doanh”	- Doanh thu bán sản phẩm hàng hoá bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.
---	--

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

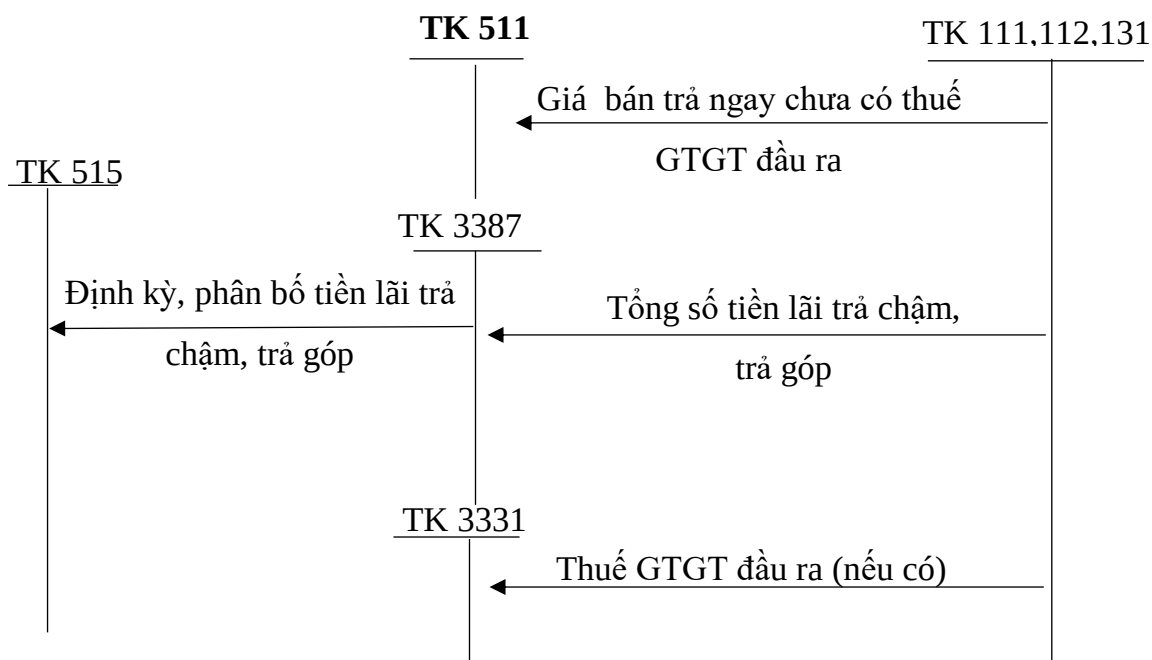
1.2.1.5. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh

- Hạch toán trường hợp bán hàng trực tiếp và chuyển hàng theo hợp đồng.

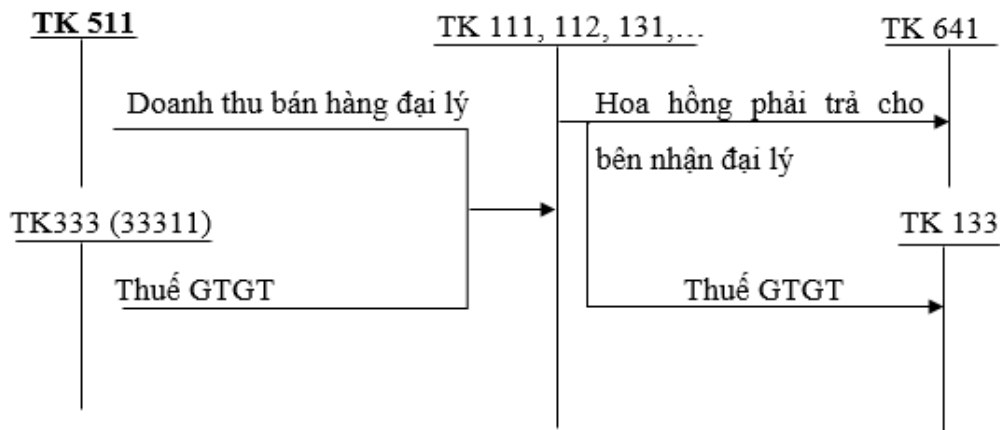
Sơ đồ 1.1 : Hạch toán trường hợp bán hàng trực tiếp và chuyển hàng theo hợp đồng



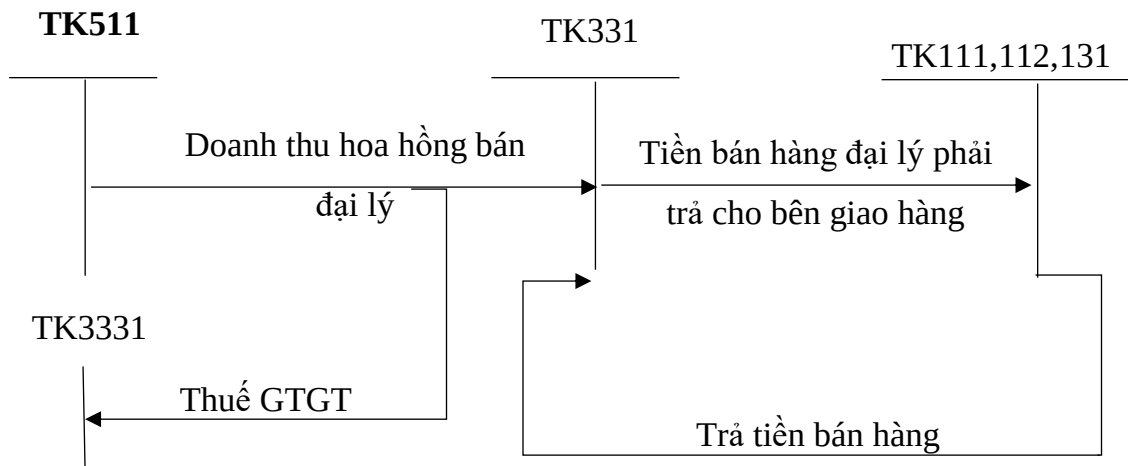
Sơ đồ 1.2 : Hạch toán trường hợp trả chậm, trả góp



Sơ đồ 1.3 : Hạch toán trường hợp bán hàng bên giao đại lý



Sơ đồ 1.4 : Hạch toán trường hợp bán hàng bên nhận đại lý



1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2.1. Khái niệm

- Các khoản giảm trừ doanh thu là những khoản phát sinh được điều chỉnh làm giảm doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm và cung ứng dịch vụ của doanh nghiệp trong kỳ kế toán. Bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bị trả lại.

+ Chiết khấu thương mại: Là khoản doanh nghiệp giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn theo thỏa thuận.

+ Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, hay không đáp ứng đủ điều kiện chất lượng như trong hợp đồng đã ký giữa hai bên.

+ Hàng bán bị trả lại: Là số hàng mà khách hàng trả lại cho doanh nghiệp khi

kinh doanh bán hàng hóa, thành phẩm nhưng bị kém phẩm chất, chủng loại,...

1.2.2.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng

- Chứng từ sử dụng:

+ Chiết khấu thương mại: Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng, phiếu thu tiền mặt, giấy báo có ngân hàng và một số chứng từ có liên quan.

+ Hàng bán bị trả lại: Văn bản đề nghị trả lại hàng của người mua, bên mua cần xuất hóa đơn cho bên bán (đơn giá xuất phải đúng theo đơn giá mua trên hóa đơn mua vào).

+ Giảm giá hàng bán: Hóa đơn GTGT; Bên bán sẽ xuất hóa đơn giảm giá cho bên mua số lượng hàng kém chất lượng,... Văn bản đề nghị giảm giá hàng bán và biên bản điều chỉnh giảm giá,...

- Tài khoản sử dụng:

Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC, để phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu trong kỳ, kế toán sử dụng TK 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu.

Tài khoản 521, bao gồm 3 tài khoản cấp 2:

+TK 5211: Chiết khấu thương mại

+TK 5212: Hàng bán bị trả lại

+TK 5213: Giảm giá hàng bán

- Kết cấu tài khoản 521:

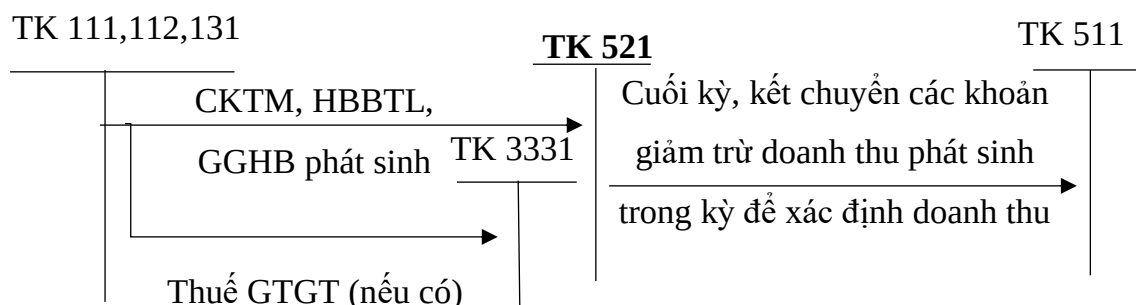
Tài khoản 521

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng; - Số giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng; - Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.	-Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu của hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511 (doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ) để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.
---	---

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ

1.2.2.3. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ phát sinh

Sơ đồ 1.5 : Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu



1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.3.1. Khái niệm

Doanh thu hoạt động tài chính là những khoản thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp, bao gồm:

- + Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ.
- + Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư.
- + Lãi tỷ giá hối đoái (gồm cả lãi do bán ngoại tệ)
- + Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán, đầu tư vào công ty con,...
- + Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.
- + Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

1.2.3.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng

- Chứng từ sử dụng:

- + Phiếu thu, giấy báo nợ, giấy báo có.
- + Biên bản góp vốn, biên bản đối chiếu công nợ.

- Tài khoản sử dụng: theo thông tư 200/2014/TT-BTC, để phản ánh doanh thu hoạt động tài chính thực tế phát sinh trong kỳ, kế toán sử dụng TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính.

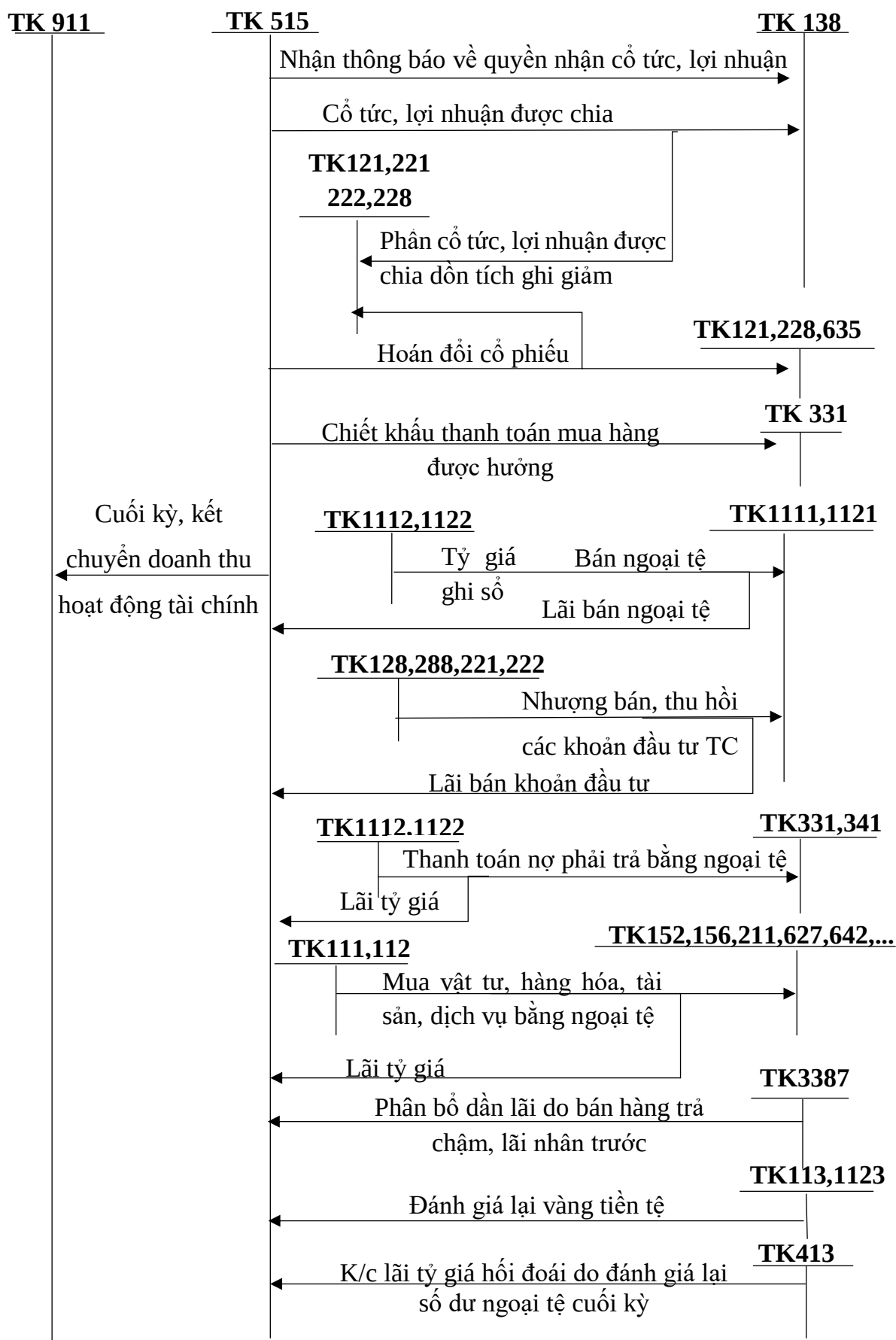
- Kết cấu tài khoản 515 :

Tài khoản 515

-Số thuế giá trị gia tăng phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp. - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911-“Xác định kết quả kinh doanh”.	-Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.
---	--

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

Sơ đồ 1.6 : Hạch toán doanh thu tài chính



1.2.4. Kế toán thu nhập khác

1.2.4.1. Khái niệm

Thu nhập khác là khoản thu nhập ngoài ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh ghi trong giấy phép đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp. Thu nhập khác bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định. Thu tiền được phạt do khách vi phạm hợp đồng. Thu tiền các khoản nợ khó đòi đã xử lý, xóa sổ. Các khoản thuế được ngân sách nhà nước hoàn lại. Thu thập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản. Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát. Thu các khoản phải trả không xác định được chủ. Thu thập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp.

1.2.4.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng

- Chứng từ sử dụng: Hóa đơn, quyết định thanh lý tài sản. Biên bản thanh lý TSCĐ.

Các chứng từ liên quan khác

- Tài khoản sử dụng:

Theo thông tư 200/2014/TT-BTC, để phản ánh các khoản thu nhập khác thực tế phát sinh trong kỳ, kế toán sử dụng TK 711 – Thu nhập khác

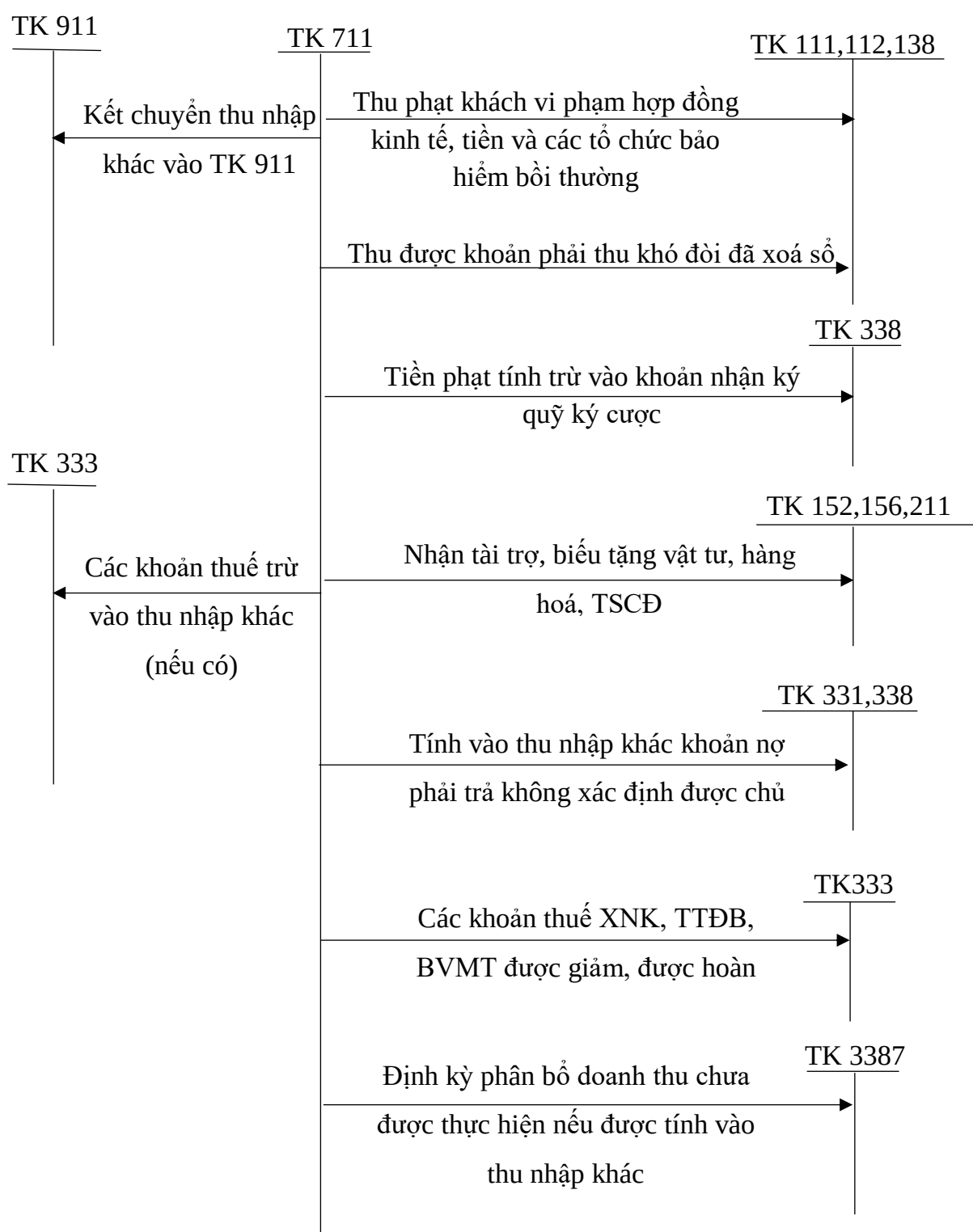
Kết cấu Tài khoản 711:

Tài khoản 711

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.	- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.	

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

Sơ đồ 1.7 : Kế toán thu nhập khác



1.2.5. Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.5.1. Khái niệm

Giá vốn hàng bán dùng để phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản phẩm xây lắp bán trong kỳ.

1.2.5.2. Các phương pháp tính giá vốn hàng bán

- Phương pháp tính theo giá đích danh:

+ Theo phương pháp này thì hàng xuất kho thuộc lô nào thì lấy đúng đơn giá mua của lô hàng đó để tính giá mua của hàng xuất kho, kế toán nhận diện được từng lô hàng, từng loại hàng tồn kho, từng lần mua vào và đơn giá theo từng hóa đơn của chúng.

+ Phương pháp này áp dụng cho các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định, hàng tồn kho có giá trị lớn và có thể nhận diện được.

- Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO):

+ Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và giá trị hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ.

+ Phương pháp này áp dụng trong trường hợp giá cả hàng hóa có ổn định hoặc giá của hàng hóa đang trong thời kỳ có xu hướng giảm. Thích hợp cho những doanh nghiệp kinh doanh các mặt hàng nhỏ mà cần thiết như: Mỹ phẩm, thực phẩm,..

- Phương pháp bình quân gia quyền:

Theo phương pháp bình quân gia quyền, giá trị từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ.

Trong đó, giá đơn vị bình quân được xác định bằng 2 phương pháp:

+ Phương pháp bình quân cả kỳ:

Đơn giá bình quân cho từng mặt hàng được xác định theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình} \\ \text{quân của hàng} \\ \text{tồn kho loại } i \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Giá trị thực tế hàng} \\ \text{ } i \text{ đầu kỳ} \\ \text{Số lượng thực tế hàng} \\ \text{ } i \text{ đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá trị thực tế hàng } i \text{ nhập} \\ \text{kho trong kỳ} \\ \text{Số lượng thực tế hàng } i \\ \text{nhập kho trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng thực tế hàng} \\ \text{ } i \text{ đầu kỳ} \\ \text{Số lượng thực tế hàng } i \\ \text{nhập kho trong kỳ} \end{array}}$$

$$\begin{array}{ccc} \text{Giá trị thực tế} & \text{Số lượng mặt hàng } i \text{ tồn} & \text{Đơn giá thực tế bình quân} \\ \text{hàng } i \text{ tồn kho} & \text{kho cuối kỳ} & \text{của hàng tồn kho loại } i \\ & & \times \\ & & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

$$\begin{array}{cccc} \text{Giá thực tế} & \text{Giá thực tế} & & \text{Giá thực tế} \\ \text{hàng } i \text{ xuất dùng} & \text{hàng } i \text{ tồn} & + & \text{hàng } i \text{ mua} \\ \text{trong kỳ} & \text{kho đầu kỳ} & & \text{vào trong kỳ} \\ & & & \text{Giá thực tế} \\ & & & \text{hàng } i \text{ tồn kho cuối} \\ & & & \text{kỳ} \end{array}$$

+ Phương pháp bình quân thời điểm:

Sau mỗi lần nhập kho thì kế toán phải tiến hành xác định lại đơn giá bình quân mới nhất.

$$\begin{array}{ccc} \text{Đơn giá} & \text{Giá trị thực tế hàng } i \text{ tồn} & \text{Giá hàng thực tế } i \\ \text{bình quân} & \text{kho trước lần nhập } t & \text{nhập ở lần nhập } t \\ \text{hàng } i \text{ sau lần} & & \\ \text{nhập } t & = & \\ & \text{Số lượng hàng } i \text{ nhập} & + \text{Số lượng hàng } i \text{ nhập} \\ & \text{kho trước lần nhập } t & \text{kho ở lần nhập } t \end{array}$$

$$\begin{array}{ccc} \text{Giá thực tế} & & \text{Đơn giá thực tế bình} \\ \text{mặt hàng } i & = & \text{Số lượng mặt hàng } i \text{ xuất} \quad \times \quad \text{quân của hàng } i \text{ sau lần} \\ \text{xuất kho} & \text{dùng} & \text{nhập } t \end{array}$$

$$\begin{array}{cccc} \text{Giá thực} & \text{Giá trị} & \text{Giá trị thực} & \text{Giá thực tế} \\ \text{tế hàng } i \text{ tồn} & \text{thực tế hàng} & \text{tế hàng } i \text{ mua} & \text{hàng } i \text{ xuất} \\ \text{kho cuối kỳ} & \text{ } i \text{ tồn kho đầu} & \text{vào nhập kho} & \text{kho} \\ & \text{kỳ} & & \end{array}$$

1.2.5.3. Chứng từ và tài khoản sử dụng

- Chứng từ sử dụng

- + Hoá đơn mua hàng, hoá đơn bán hàng, hoá đơn GTGT.
- + Phiếu xuất kho, phiếu xuất vật tư, phiếu tính giá thành sản phẩm.
- + Phiếu nhập kho, biên bản kiểm kê hàng hoá.

- Tài khoản sử dụng:

Theo thông tư 200/2014/TT-BTC, để phản ánh giá vốn hàng bán, dịch vụ bán trong kỳ, kế toán sử dụng TK 632 – Giá vốn hàng bán.

Tài khoản 632 có sự khác nhau giữa 2 phương pháp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và kiểm kê định kỳ.

+ Phương pháp kê khai thường xuyên: Là phương pháp theo dõi và phản ánh một cách thường xuyên liên tục tình hình nhập, xuất, tồn kho của vật liệu, hoàn thành thành phẩm trên sổ sách kế toán sau mỗi lần phát sinh nghiệp vụ nhập hoặc xuất.

+ Phương pháp kiểm kê định kỳ: Là phương pháp hạch toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị hàng tồn kho cuối kỳ vật tư, hàng hoá trên sổ sách kế toán tổng hợp từ đó tính giá trị của hàng hoá, vật tư đã xuất trong kỳ.

Kết cấu Tài khoản 632:

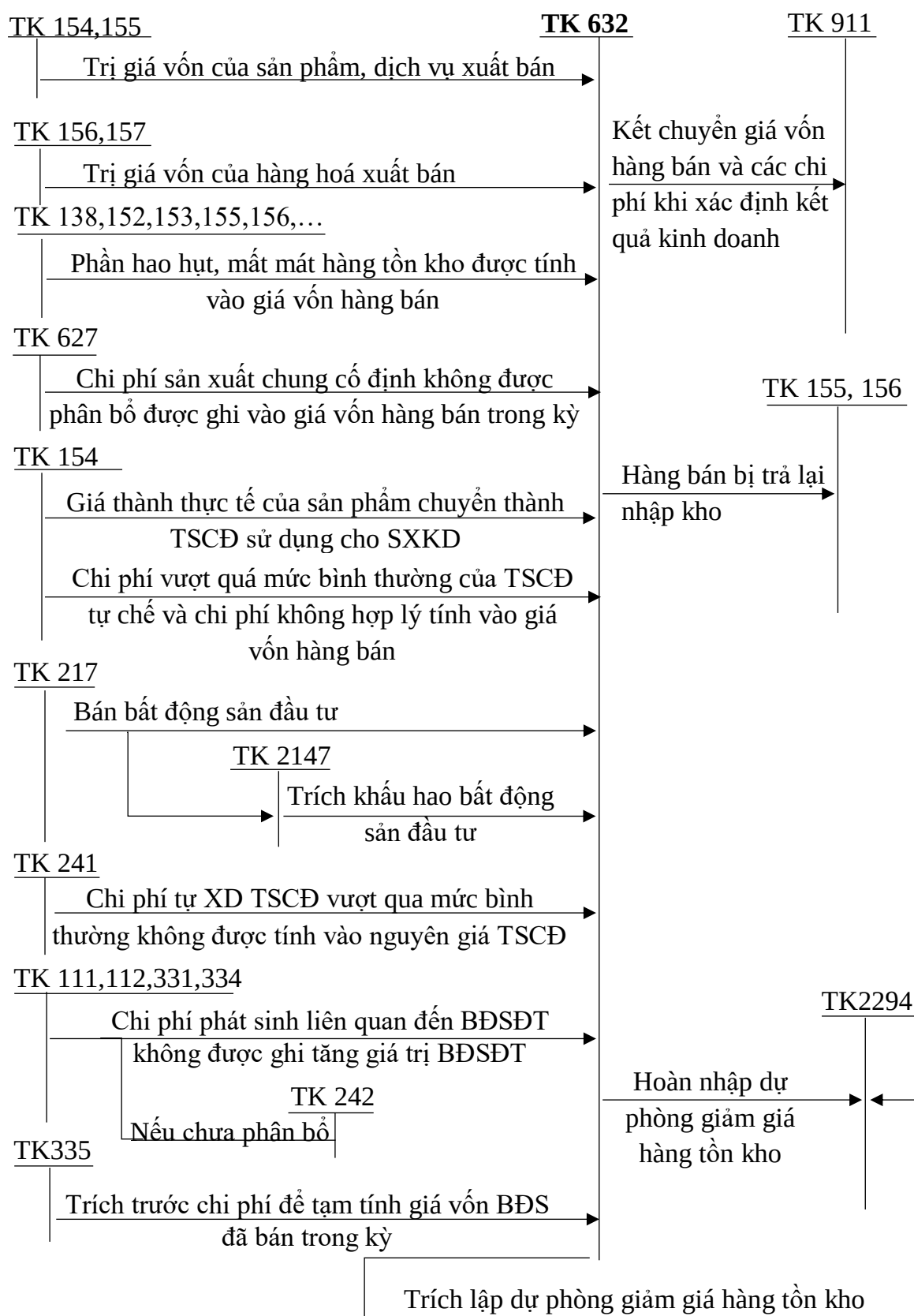
Tài khoản 632

- Trị giá vốn của các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ. - Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ sẽ được tính vào giá vốn của hàng bán ra trong kỳ. - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ đi phần bồi thường do trách nhiệm của cá nhân gây ra. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với hàng hóa, nguyên vật liệu bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, không còn giá trị sử dụng... (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn so với số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).	- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước). - Trị giá hàng bán bị trả lại. - Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ.
--	--

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

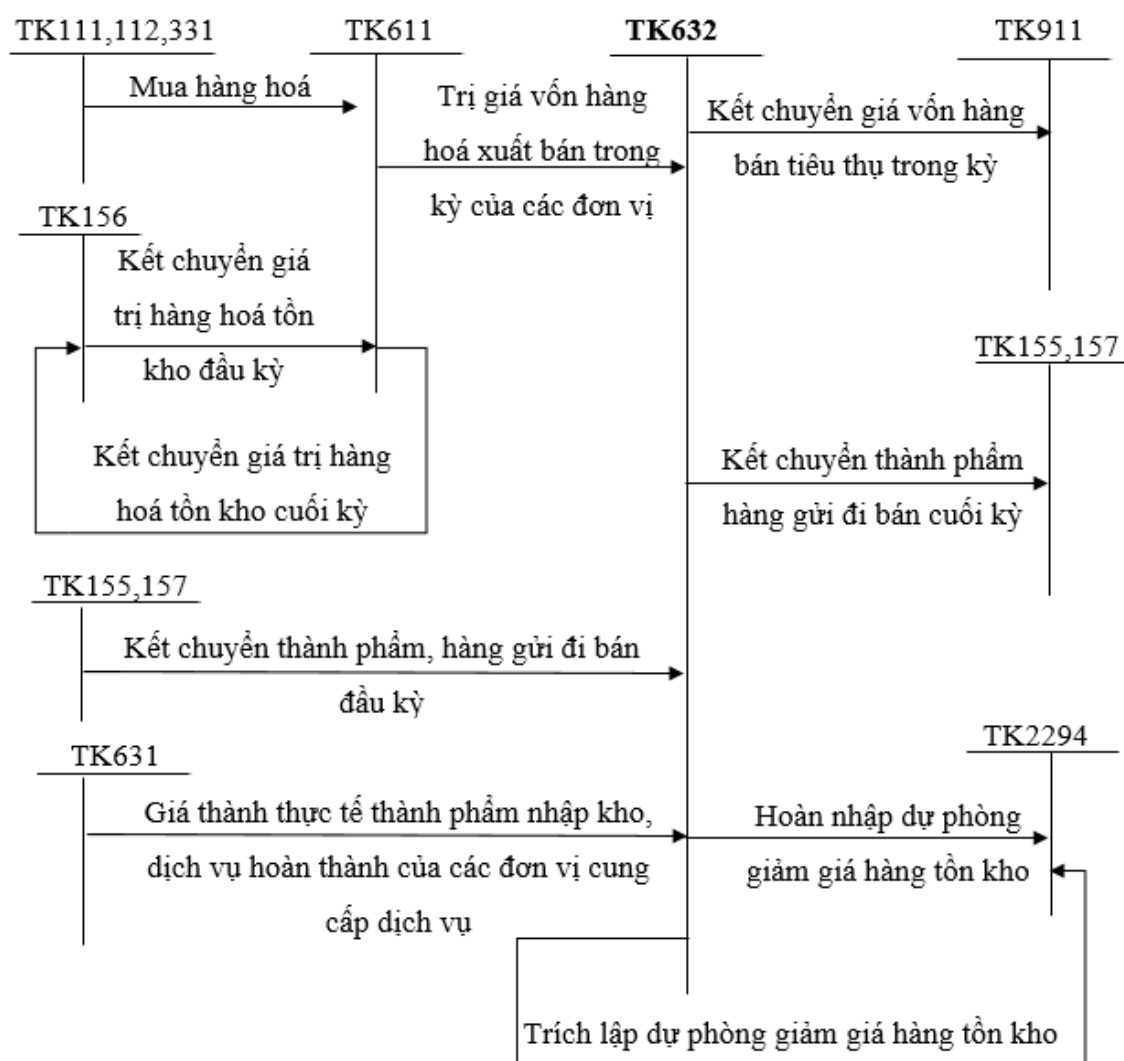
1.2.5.4. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Sơ đồ 1.8 : Kế toán giá vốn hàng bán (Phương pháp kê khai thường xuyên)



KẾ TOÁN GIÁ VỐN HÀNG BÁN (Phương pháp kê khai thường xuyên)

Sơ đồ 1.9: Kế toán giá vốn hàng bán (Phương pháp kiểm kê định kỳ)



KẾ TOÁN GIÁ VỐN HÀNG BÁN
(Phương pháp kiểm kê định kỳ)

1.2.6. Kế toán chi phí bán hàng

1.2.6.1. Khái niệm

- Chi phí bán hàng là chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, công cụ dụng cụ, gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, chi phí đóng gói, bảo hành sản phẩm, hàng hóa (ngoại trừ hoạt động xây lắp), hoa hồng bán hàng, vận chuyển hàng hóa,...

1.2.6.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng

- Chứng từ sử dụng:
 - + Hóa đơn GTGT, phiếu chi.
 - + Bảng phân bổ lương, bảng phân bổ khấu hao TSCĐ.
- Tài khoản sử dụng:

Theo thông tư 200/2014/TT-BTC, để phản ánh chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong một kỳ, kế toán sử dụng TK 641 - Chi phí bán hàng.

Tài khoản 641, bao gồm 7 tài khoản cấp 2 :

- + TK 6411 : Chi phí nhân viên
- + TK 6412 : Chi phí vật liệu, bao bì
- + TK 6413 : Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- + TK 6414 : Chi phí khấu hao tài sản cố định
- + TK 6415 : Chi phí bảo hành
- + TK 6417 : Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 6418 : Chi phí bằng tiền khác

Kết cấu Tài khoản 641:

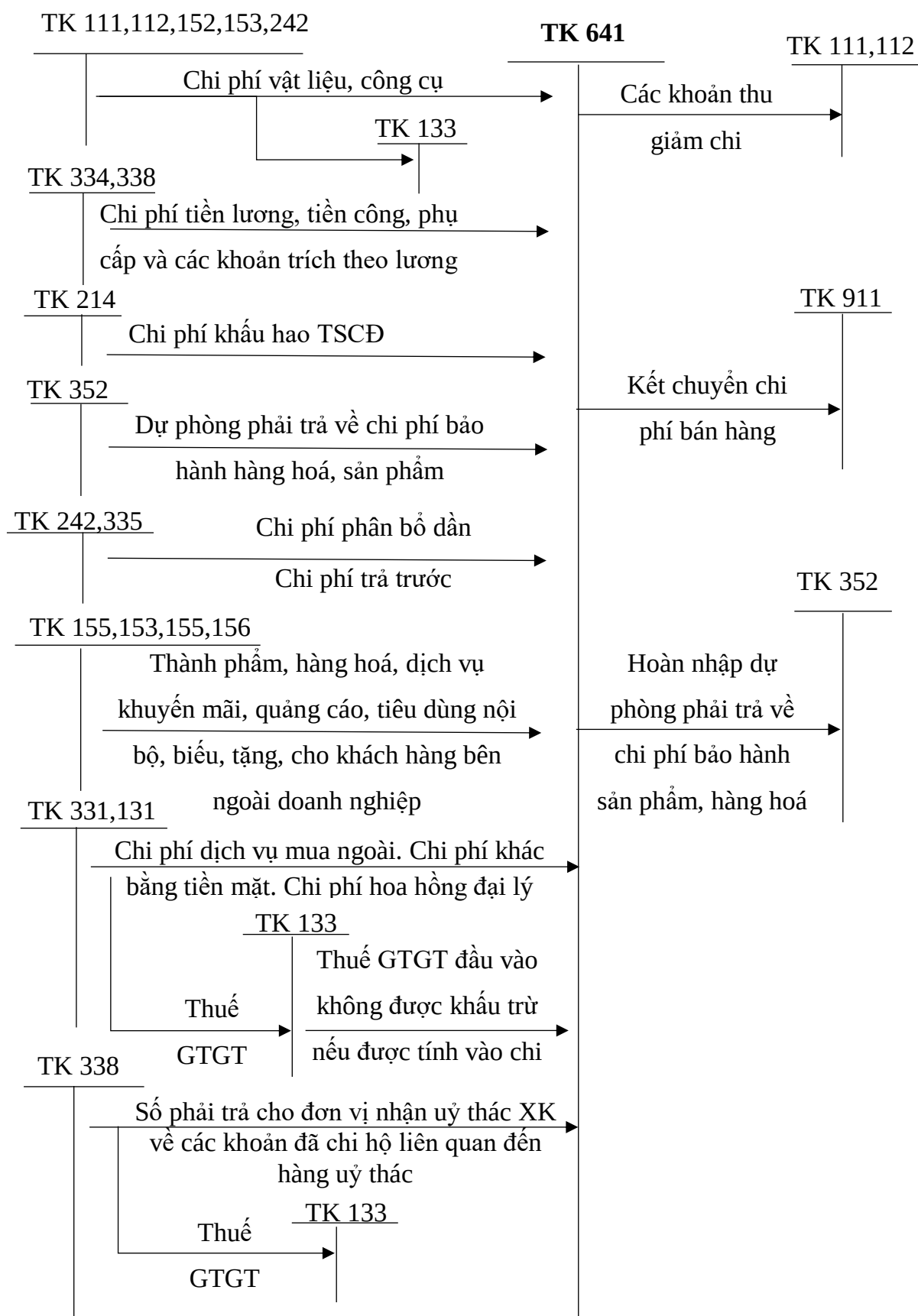
Tài khoản 641

- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ.	- Khoản được ghi giảm chi phí bán hàng trong kỳ. - Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 (Xác định kết quả kinh doanh) để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.
--	--

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ

1.2.6.3. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Sơ đồ 1.10 : Kế toán chi phí bán hàng



1.2.7. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.7.1. Khái niệm

Chi phí quản lý doanh nghiệp là chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí quản lý văn phòng, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

1.2.7.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng

- Chứng từ sử dụng: Hóa đơn, phiếu chi, phiếu xuất kho. Bảng phân bổ lương, bảng phân bổ khấu hao TSCĐ.

- Tài khoản sử dụng: theo thông tư 200/2014/TT-BTC, để phản ánh chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ, kế toán sử dụng

Tài khoản 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp, bao gồm 8 tài khoản cấp 2 :

- + TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- + TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- + TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- + TK 6424: Chi phí khấu hao tài sản cố định
- + TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
- + TK 6426: Chi phí dự phòng
- + TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

Kết cấu tài khoản 642:

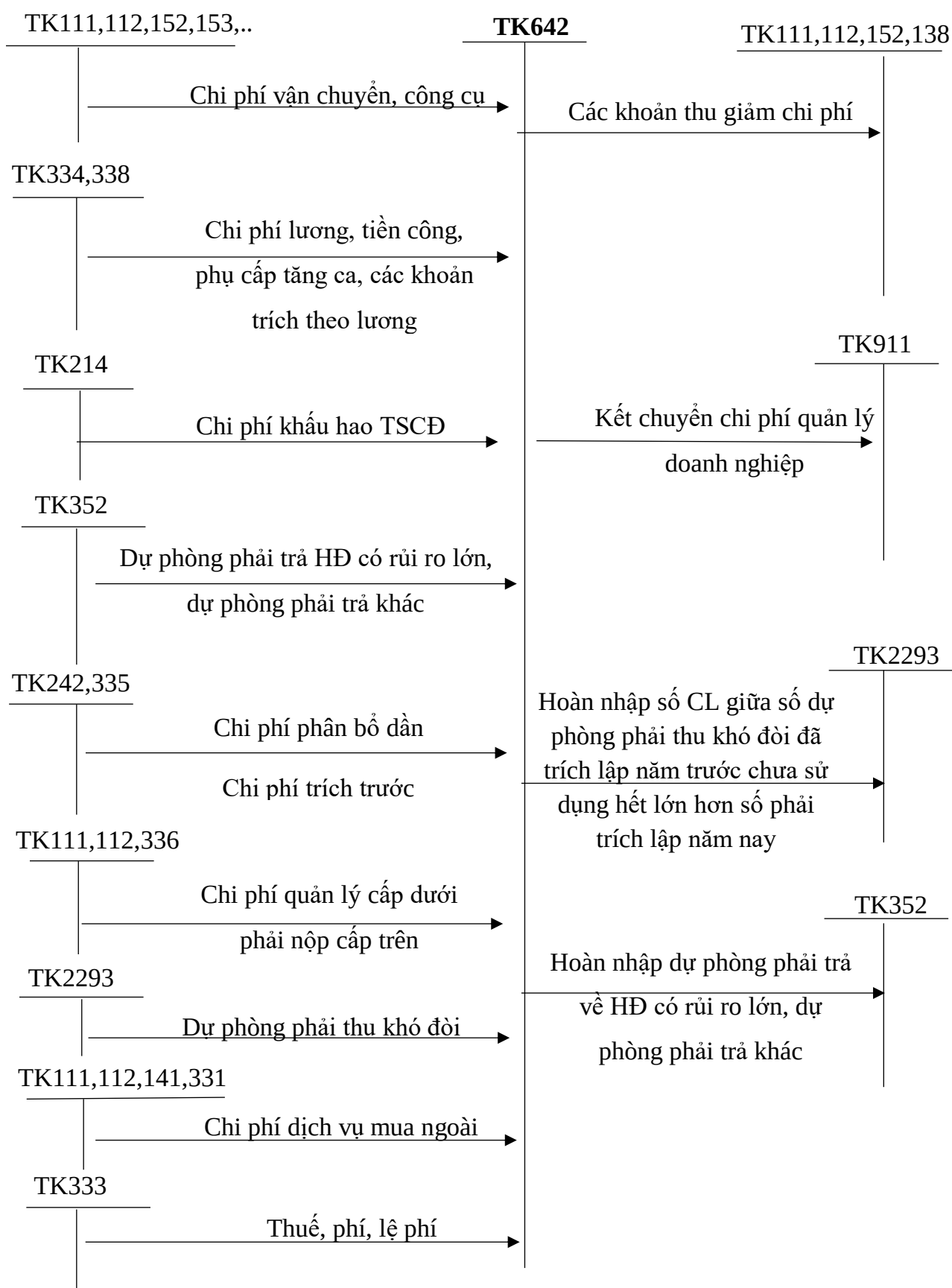
Tài khoản 642

- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ. - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).	- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp. - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết). - Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 (Xác định kết quả kinh doanh).
--	---

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ

1.2.7.3. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Sơ đồ 1.11 : Hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp



1.2.8. Kế toán chi phí tài chính

1.2.8.1. Khái niệm

- Chi phí tài chính là các khoản chi phí đầu tư tài chính ra ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý nguồn vốn, tăng thu nhập.

- Chi phí tài chính bao gồm:

+ Chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản, thuê tài chính, các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán.

+ Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính.

+ Chiết khấu thanh toán cho người mua.

+ Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, chi phí giao dịch bán chứng khoán.

+ Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ, lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, lỗ bán ngoại tệ.

+ Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác,...

1.2.8.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng

- Chứng từ sử dụng: Phiếu chi, giấy báo nợ, các chứng từ khác liên quan

- Tài khoản sử dụng:

Theo thông tư 200/2014/TT-BTC, để phản ánh chi phí tài chính thực tế phát sinh trong một kỳ, kế toán sử dụng TK 635 – Chi phí tài chính.

Kết cấu tài khoản 635:

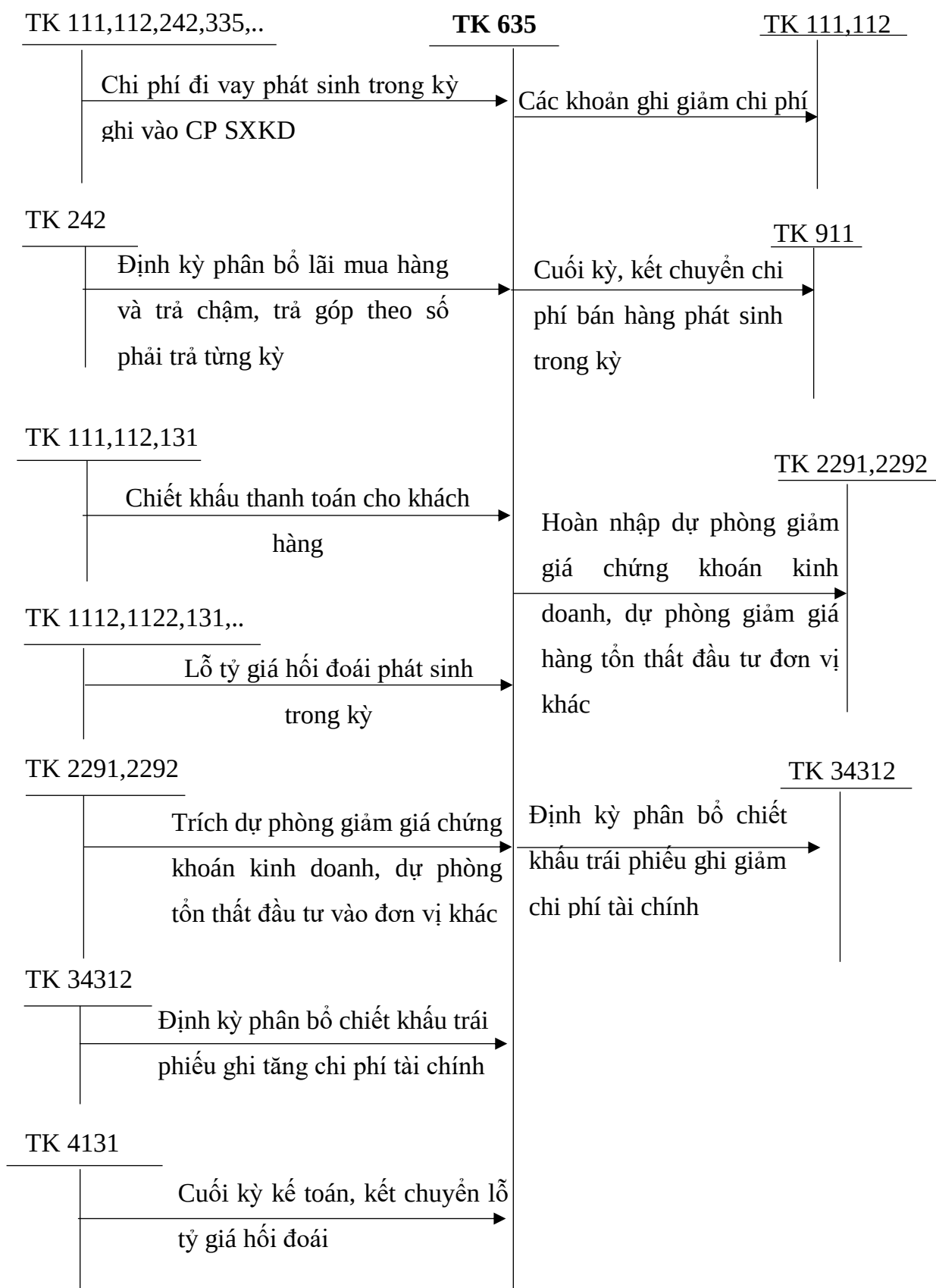
Tài khoản 635

+ Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính. + Lỗ bán ngoại tệ. + Chiết khấu thanh toán cho người mua. + Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư. + Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ; Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. + Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác. + Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.	+ Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết). + Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính. + Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
--	---

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

1.2.8.3. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Sơ đồ 1.12. Hạch toán chi phí tài chính



1.2.9. Kế toán chi phí khác

1.2.9.1. Khái niệm

Chi phí khác gồm các khoản lỗ phát sinh hoặc những chi phí phát sinh từ các hoạt động như thanh lý, nhượng bán tài sản và giá trị còn lại của tài sản khi thanh lý, chênh lệch, tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng,...

1.2.9.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng

- Chứng từ sử dụng: Giấy báo Nợ, phiếu chi, các chứng từ liên quan khác
- Tài khoản sử dụng:

Theo thông tư 200/2014/TT-BTC, để phản ánh các khoản chi phí khác thực tế phát sinh trong kỳ, kế toán sử dụng TK 811 – Chi phí khác.

- Kết cấu tài khoản 811:

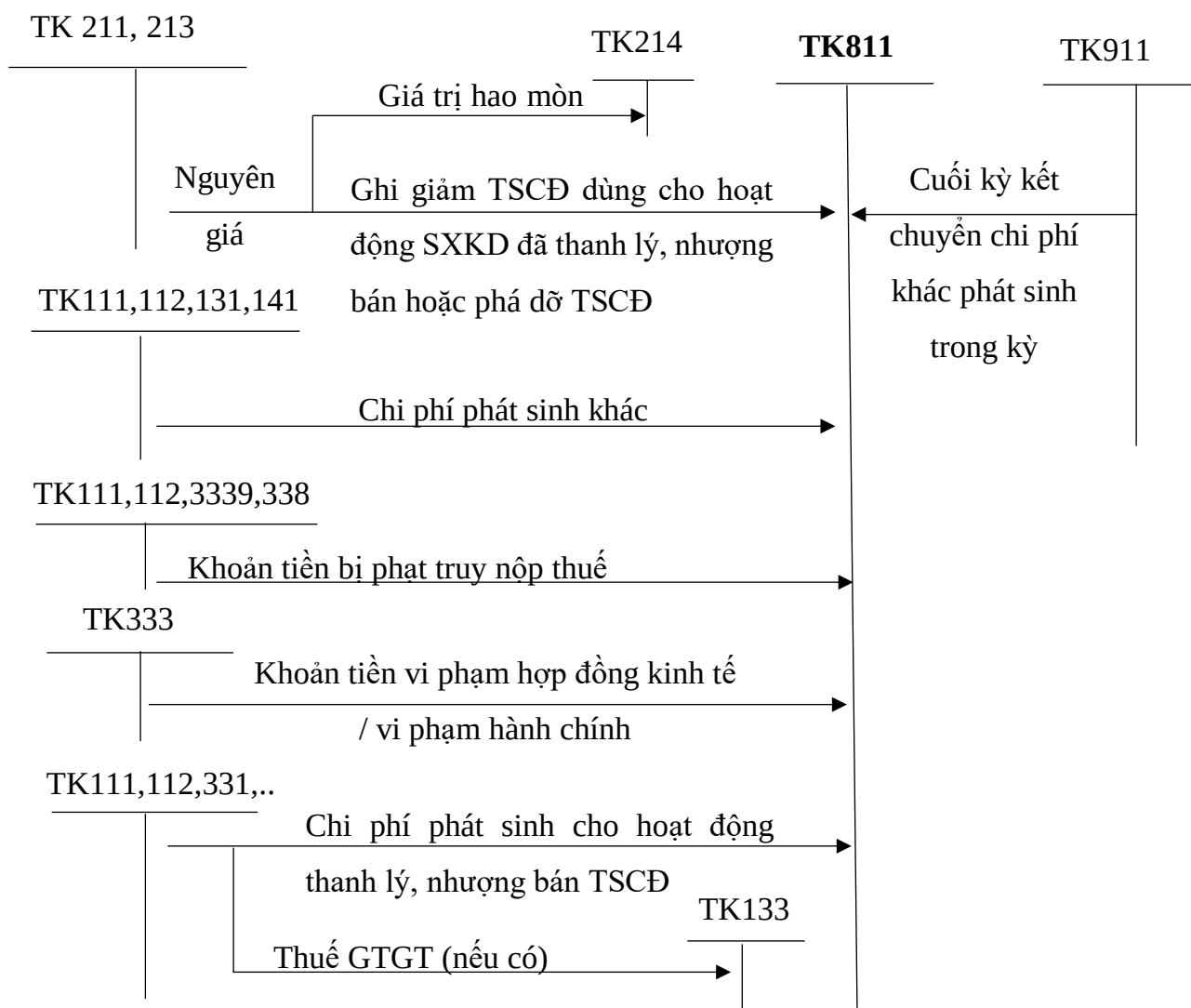
Tài khoản 811

-Các khoản chi phí khác phát sinh.	- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911
------------------------------------	---

TK 811 không có số dư cuối kỳ

1.2.9.3. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Sơ đồ 1.13: Hạch toán chi phí khác



1.2.10. *Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp*

1.2.10.1. *Khái niệm*

- Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, đánh trực tiếp vào thu nhập chịu thuế của cơ sở sản xuất kinh doanh hàng hóa dịch vụ sau khi đã trừ các khoản chi phí liên quan đến việc tạo ra doanh thu và thu nhập chịu thuế của cơ sở sản xuất kinh doanh.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận vào tài khoản này là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

- Công thức xác định chi phí Thuế TNDN:

Nếu DN có trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ thì tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Thuế} \\ \text{TNDN} \\ \text{phải nộp} \end{array} = \left[\begin{array}{l} \text{Thu nhập} \\ \text{tính thuế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Phần trích} \\ \text{lập quỹ} \\ \text{KH\&CN} \end{array} \right] \times \begin{array}{l} \text{Thuế suất thuế} \\ \text{TNDN hiện} \\ \text{hành} \end{array}$$

- Thu nhập tính thuế được tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Thu nhập} \\ \text{tính thuế} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Thu nhập} \\ \text{chịu thuế} \end{array} - \left[\begin{array}{l} \text{Thu nhập} \\ \text{được miễn} \\ \text{thuế} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Các khoản lỗ} \\ \text{được kết} \\ \text{chuyển} \end{array} \right]$$

- Thu nhập chịu thuế được tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Thu nhập} \\ \text{chịu thuế} \end{array} = \left[\begin{array}{l} \text{Doanh} \\ \text{thu} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{được trừ} \end{array} \right] + \begin{array}{l} \text{Các khoản thu} \\ \text{nhập khác} \end{array}$$

1.2.10.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng

- Chứng từ sử dụng: Giấy báo Nợ, tờ khai quyết toán thuế TNDN.
- Tài khoản sử dụng:

Theo thông tư 200/2014/TT-BTC, để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại, kế toán sử dụng TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Tài khoản 821, bao gồm 2 tài khoản cấp 2
- + TK 8211: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
- + TK 8212: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.
- Kết cấu tài khoản 8211:

Tài khoản 8211

- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm.	- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đã ghi nhận trong năm.
- Thuế thu nhập hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế TNDN hiện hành của năm hiện tại	- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm hiện tại.
	- Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp vào bên Nợ tài khoản 911
	- “Xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản 8211 không có số dư cuối kỳ

- Kết cấu tài khoản 8212:

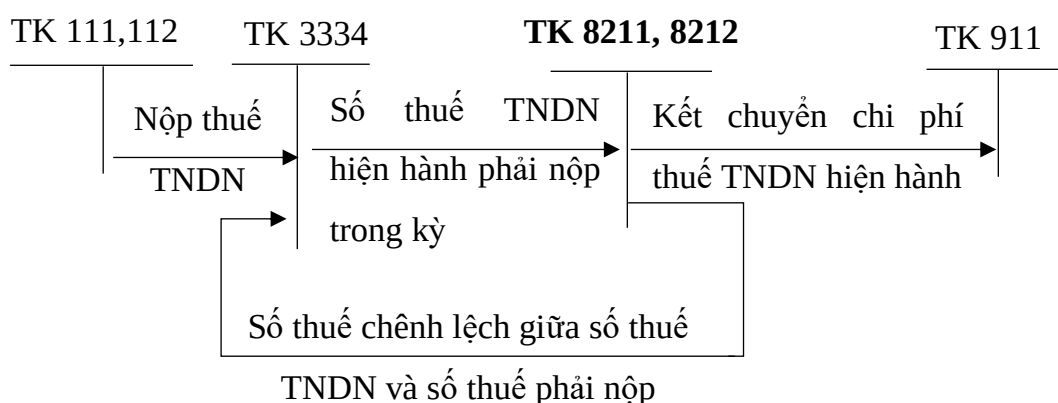
Tài khoản 8212

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả (Là số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm). - Số hoàn nhập tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại đã ghi nhận từ các năm trước (Là số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm). - Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK 8212 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” lớn hơn số phát sinh bên Nợ TK 8212 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên Có tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.	- Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm). - Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm). - Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK 8212 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” nhỏ hơn số phát sinh bên Nợ TK 8212 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên Nợ tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.
--	---

Tài khoản 8212 không có số dư cuối kỳ

1.2.10.3. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Sơ đồ 1.14: Hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp



1.2.11. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.11.1. Khái niệm

- Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp gồm: kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác, được xác định công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng lợi nhuận} & = & \text{Lợi nhuận thuần từ} & & \text{Thu nhập} & & \text{Chi phí} \\ \text{trước thuế} & & \text{hoạt động kinh} & & \text{khác} & & \text{khác} \\ & & \text{doanh} & & & & \end{array}$$

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh:

Lợi nhuận thuần từ HĐSXKD = Lợi nhuận gộp từ BH & CCDV + DT hoạt động TC

- Chi phí tài chính - Chi phí bán hàng - Chi phí quản lý DN

Trong đó:

Lợi nhuận khác = Thu nhập khác – Chi phí khác

Lợi nhuận gộp từ BH & CCDV = Doanh thu thuần BH & CCDV – Giá vốn hàng hóa và dịch vụ

Doanh thu thuần BH & CCDV = Doanh thu bán hàng thực tế - Các khoản giảm trừ DT

1.2.11.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng

- Chứng từ sử dụng:

+ Phiếu kế toán và các chứng từ có liên quan.

- Tài khoản sử dụng:

Theo thông tư 200, để phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong một kỳ, kế toán sử dụng TK 911- Xác định kết quả kinh doanh

Kết cấu tài khoản 911:

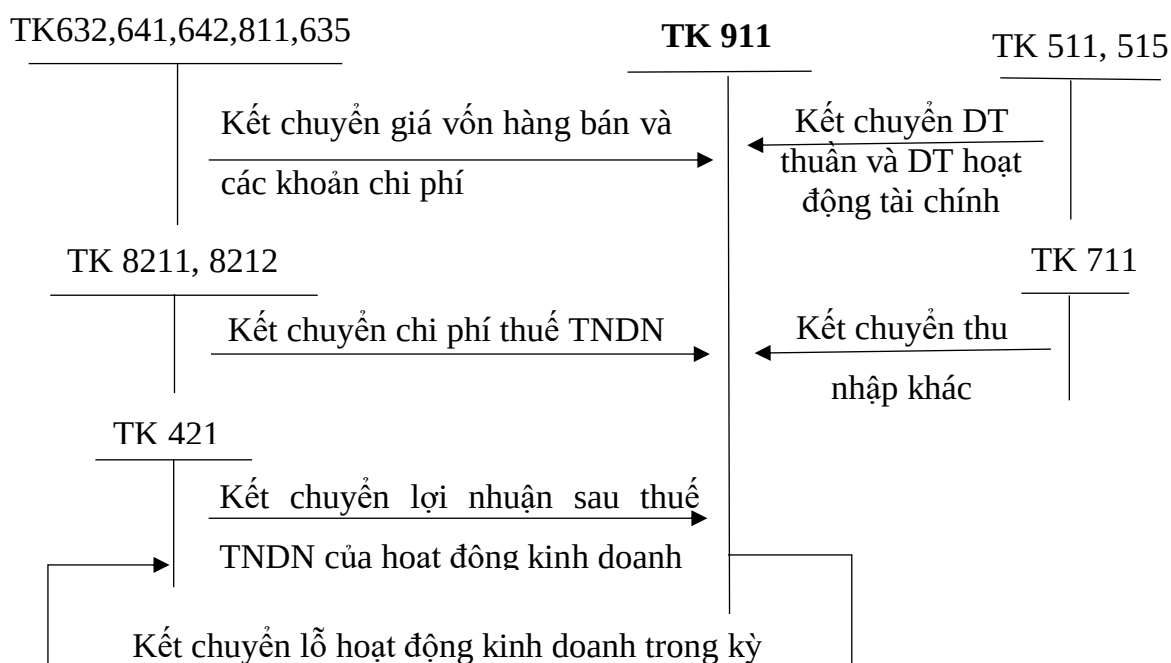
Tài khoản 911

Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.	Doanh thu thuần của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
Chi phí bán hàng.	Doanh thu hoạt động tài chính.
Chi phí quản lý doanh nghiệp.	Thu nhập khác.
Chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.	Số lỗ của hoạt động kinh doanh trong kỳ.
Số lãi sau thuế của hoạt động kinh doanh.	

Tài khoản 911 không có số dư đầu và cuối kỳ

1.2.11.3. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Sơ đồ 1.15 : Hạch toán xác định kết quả kinh doanh



CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN NAM TÀI PHÁT

2.1. Giới thiệu tổng quan về Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Nam Tài Phát

2.1.1. Sơ lược về Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Nam Tài Phát

- Tên công ty : Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Nam Tài Phát
- Tên giao dịch: NAM TAI PHAT ONE MEMBER COMPANY LIMITED
- Vốn điều lệ : 10.000.000.000 đồng
- Mã số thuế : 0401636723
- Người đại diện pháp luật : Lục Thị Nhâm
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động
- Nơi đăng ký quản lý : Chi cục Thuế Quận Hải Châu
- Ngày cấp giấy phép: 9/12/2014
- Địa chỉ: K93/2B Đường 3 tháng 2, Phường Thuận Phước, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Điện thoại: 0972983888

2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Ngày 9/12/2014 Công Ty được thành lập Lấy tên Nam Tài Phát, địa chỉ tại K93/2B Đường 3 tháng 2, Phường Thuận Phước, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Với nhu cầu mở rộng thị trường ngày 12/2/2015 Công ty mở chi nhánh đầu tiên tại địa chỉ: 96 Đồng Đa, Đà Nẵng. Ngày 1/7/2024 bắt đầu khai trương chi nhánh thứ hai tại 100 Hàm Nghi, Đà Nẵng.

2.1.3. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh

Nam Tài Phát - Chuyên cung cấp và mua bán: iPhone - iPad - Macbook - Apple Watch - Computer - Phụ kiện điện tử chính hãng. Sửa chữa điện thoại,...

2.1.4. Chức năng và nhiệm vụ

❖ Chức năng:

- Nhập chính hãng các sản phẩm và bán lại cho khách sỉ/ lẻ trong và ngoài Đà Nẵng. Sửa chữa các thiết bị điện thoại, ip, lắp đặt thiết bị camera,...Cung cấp các thiết

bị điện tử

❖ **Nhiệm vụ:**

- Là bộ phận trung gian, có vai trò là cầu nối giữa người sản xuất và thị trường tiêu thụ. Cùng với đó, giúp cân đối sự phát triển của nền kinh tế, là đòn bẩy để tạo động lực thúc đẩy của các loại hình thương mại nhằm mang lại lợi nhuận cao.

- Thực hiện các nghĩa vụ đóng thuế, các chính sách kinh tế và thực hiện đúng pháp luật của nhà nước.

- Đem đến cho người tiêu dùng dịch vụ mua - bán sản phẩm chính hãng, chăm sóc khách hàng và bảo hành tốt nhất.

2.1.5. Bộ máy quản lý của công ty

2.1.5.1. Sơ đồ bộ máy quản lý

- Công ty mới đi vào hoạt động tính đến thời điểm hiện tại là 10 năm và bộ máy công ty vẫn còn đơn giản. Nhân sự của công ty gồm 9 người.

- Bộ phận lãnh đạo có 1 người

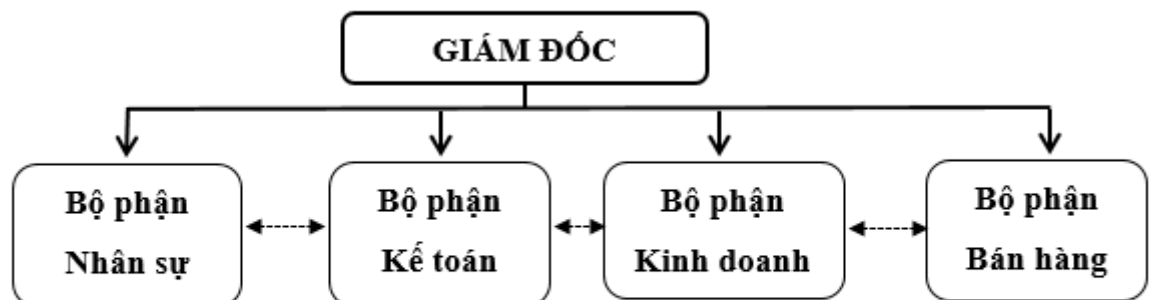
- Bộ phận nhân sự có 2 người

- Bộ phận kế toán có 3 người

- Bộ phận kinh doanh có 3 người

- Bộ phận bán hàng có 1 người

Sơ đồ 2.1. Sơ đồ bộ máy quản lý Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát



Ghi chú:

Quan hệ chỉ đạo —————>

Quan hệ phối hợp <-.-.-.->

2.1.5.2. Chức năng và nhiệm vụ của bộ máy quản lý.

- **Giám đốc**

- Đưa ra tầm nhìn, sứ mệnh và các giá trị cốt lõi cho doanh nghiệp, nhằm định hướng dài hạn cho các hoạt động kinh doanh.
- Phát triển các kế hoạch chiến lược để đạt được mục tiêu của doanh nghiệp, bao gồm mở rộng thị trường, gia tăng doanh thu và tăng trưởng bền vững.
- Đưa ra các quyết định tài chính quan trọng, kiểm soát chi phí và ngân sách, đảm bảo doanh nghiệp hoạt động có lãi và duy trì sự ổn định tài chính.
- Đưa ra các quyết định mang tính chiến lược ảnh hưởng đến toàn bộ doanh nghiệp, bao gồm quyết định về mở rộng thị trường, đầu tư, và phát triển sản phẩm.

- **Bộ phận Nhân Sự**

- Tìm kiếm và lựa chọn nhân sự phù hợp với doanh nghiệp vô cùng quan trọng, nhằm đảm bảo lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường. Đảm bảo đủ số lượng cần thiết cũng như chất lượng của đội ngũ nhân sự.
- Xây dựng một hệ thống các tiêu chuẩn, nguyên tắc nhằm quản lý đội ngũ nhân sự, đảm bảo thể hiện được văn hóa, bộ mặt của doanh nghiệp. Thực hiện đánh giá định kỳ và đưa ra các quyết định khen thưởng để thúc đẩy tinh thần làm việc của nhân viên.
- Đào tạo và phát triển nhân sự để nâng cao năng lực và chất lượng của đội ngũ nhân viên.

- **Bộ phận Kế toán**

- Thực hiện ghi nhận chi tiết các giao dịch phát sinh hàng ngày, bao gồm mua bán hàng hóa, chi phí vận hành, thanh toán, và thu hồi công nợ.
- Lập các báo cáo tài chính định kỳ như báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, bảng cân đối kế toán, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo thu nhập. Các báo cáo này cung cấp thông tin tổng quan về tình hình tài chính của doanh nghiệp.
- Kiểm tra, đối chiếu số liệu kế toán để đảm bảo báo cáo tài chính được lập ra chính xác và minh bạch, giúp ban lãnh đạo nắm rõ tình hình tài chính thực tế.
- Theo dõi các khoản công nợ phải thu từ khách hàng và các khoản phải trả cho nhà cung cấp để đảm bảo dòng tiền của doanh nghiệp luôn ổn định.
- Thực hiện các nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp, bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT), thuế thu nhập doanh nghiệp, và các loại thuế khác theo quy định của pháp luật.

- Đảm bảo rằng các hoạt động kế toán và tài chính của doanh nghiệp tuân thủ đúng quy định và chuẩn mực kế toán, cũng như các quy định của nhà nước về tài chính.

- **Bộ phận Kinh doanh**

- Thu thập và phân tích thông tin về nhu cầu của khách hàng, đối thủ cạnh tranh, và xu hướng của thị trường. Điều này giúp doanh nghiệp hiểu rõ hơn về khách hàng tiềm năng và nhu cầu của thị trường.

- Tìm kiếm và phát triển thị trường mới, hoặc mở rộng phạm vi cung ứng sản phẩm/dịch vụ hiện tại đến các khu vực địa lý mới hoặc nhóm khách hàng mới.

- Tạo dựng và duy trì mối quan hệ tốt đẹp với khách hàng để thúc đẩy lòng trung thành và tăng cơ hội bán hàng.

- Đề xuất và thực hiện các chiến lược bán hàng phù hợp với mục tiêu của doanh nghiệp.

- Đề xuất chính sách giá cả phù hợp để tối đa hóa lợi nhuận trong khi vẫn đáp ứng được nhu cầu và sự mong đợi của khách hàng.

- Tổ chức và hướng dẫn đội ngũ bán hàng, bao gồm đào tạo, đặt mục tiêu, theo dõi hiệu suất, và hỗ trợ để đạt được doanh số.

- Theo dõi và đánh giá kết quả hoạt động bán hàng để đảm bảo các mục tiêu đề ra được hoàn thành. Phân tích các chỉ số như doanh số bán hàng, chi phí, lợi nhuận, và tỷ lệ chuyển đổi.

- **Bộ phận Bán hàng**

- Trực tiếp thực hiện các hoạt động bán hàng, thuyết phục và hỗ trợ khách hàng lựa chọn sản phẩm phù hợp.

- Tư vấn cho khách hàng về các sản phẩm/dịch vụ của doanh nghiệp và cách sử dụng chúng.

- Theo dõi và giải quyết các yêu cầu, thắc mắc và khiếu nại của khách hàng.

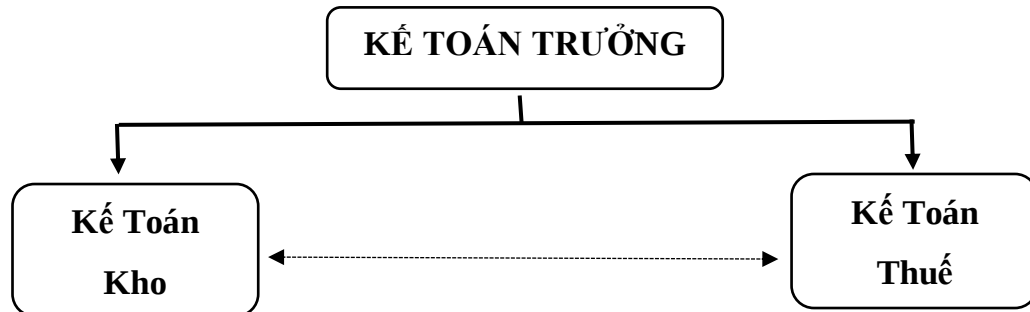
- Thu thập phản hồi của khách hàng để cải thiện sản phẩm và dịch vụ.

- Theo dõi doanh số bán hàng, phân tích dữ liệu để đánh giá hiệu quả của các chiến lược bán hàng.

2.1.6. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

2.1.6.1. Sơ đồ bộ máy kế toán

Sơ đồ 2.2. Sơ đồ bộ máy kế toán công ty TNHH MTV Nam Tài Phát



Ghi chú:

Quan hệ chỉ đạo —————>

Quan hệ phối hợp <----->

2.1.6.2. Chức năng và nhiệm vụ của bộ máy kế toán

• Kế toán Trưởng

Làm công việc của một kế toán tổng hợp:

- Kiểm tra các định khoản các nghiệp vụ phát sinh của các phần hành kế toán đã hạch toán, xem xét tính hợp lý của số liệu.
- Kiểm tra, đối chiếu lại tất cả các số liệu giữa các sổ sách kế toán và các phần hành kế toán liên quan.
- Tổng hợp số liệu từ các báo cáo và lập bảng cân đối số phát sinh tài khoản. Tổng hợp và lập báo cáo doanh thu, chi phí, lãi lỗ và thực hiện bút toán kết chuyển vào cuối tháng.

• Kế toán Kho

Làm công việc của một kế toán kho hàng hóa, kiêm thủ kho:

- Thu thập chứng từ, lập phiếu nhập kho sản phẩm, phiếu xuất kho sản phẩm, hóa đơn bán hàng, luân chuyển chứng từ đảm bảo quy định của Công ty.
- Cập nhật dữ liệu nhập kho, xuất kho vào phần mềm kế toán.
- Theo dõi chính xác, kịp thời tình hình biến động của hàng hóa về số lượng, giá trị và chất lượng. Phát hiện kịp thời sản phẩm, hàng hóa tồn kho chậm luân chuyển, ứ đọng, kém phẩm chất để đề xuất phương án xử lý nhanh chóng.
- Cuối tháng, đối chiếu với các phần hành kế toán khác có liên quan, cân đối số liệu

để lập báo cáo tồn kho, báo cáo xuất nhập tồn gửi kế toán trưởng.

- **Kế toán Thuế**

Làm công việc của một kế toán thuế:

- Cập nhật chính sách, chế độ, quy định có liên quan đến phần hành được giao.
- Tính toán, trích nộp đầy đủ và kịp thời các khoản nộp ngân sách, nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước theo luật định.
- Theo dõi báo cáo tình hình nộp ngân sách, hoàn thuế của Công ty.
- Lập báo cáo thuế, khai thuế đúng thời hạn. Đối chiếu công nợ với cơ quan thuế.

2.1.7. Chính sách chế độ kế toán

2.1.7.1. Chế độ kế toán

- Công ty áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư số 200/2014/TT_BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2.1.7.2. Chính sách kế toán

- Niên độ kế toán năm: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 dương lịch hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng nội tệ - Đồng Việt Nam (VNĐ).
- Phương pháp tính giá hàng tồn kho: Nhập trước xuất trước (FIFO).
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Khấu hao đường thẳng.
- Phương pháp kê khai và nộp thuế GTGT: Công ty áp dụng phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp Khấu trừ.

Hệ thống báo cáo:

- Bảng cân đối kế toán.
- Báo cáo kết quả kinh doanh.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- Bảng thuyết minh báo cáo tài chính.

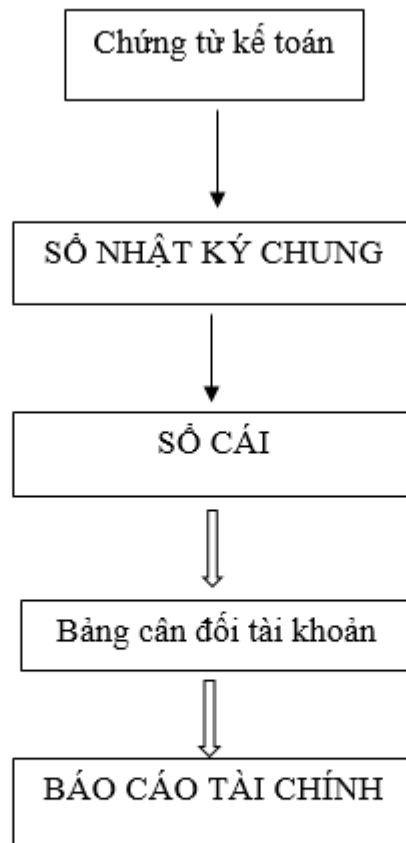
2.1.7.3. Hình thức kế toán áp dụng tại công ty

Căn cứ vào quy mô đặc điểm hoạt động kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của các nhân viên kế toán, công ty đã lựa chọn hình thức ghi sổ “Nhật ký chung” với sự hỗ trợ của máy tính (sử dụng phần mềm Excel). Công ty không sử dụng sổ chi tiết.

Quy trình hạch toán:

- Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ kế toán đã được kiểm tra kế toán làm căn cứ ghi sổ Nhật ký chung và từ số liệu trên sổ Nhật ký chung ghi vào sổ cái các tài khoản.
- Định kỳ cuối tháng kế toán cộng số liệu trên sổ cái các tài khoản lập Bảng cân đối phát sinh.
- Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh và sổ cái để lập BCTC.

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán Nhật ký chung



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ⇨

2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Nam Tài Phát.

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đặc điểm về kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty:

- Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát là công ty kinh doanh với ngành nghề chính là buôn bán iPhone - iPad - Macbook - Apple Watch - Computer - Phụ kiện điện tử chính hãng.

+ Doanh thu bán hàng là phần doanh thu thu được từ việc bán các sản phẩm điện tử, điện thoại, máy tính,...

+ Doanh thu cung cấp dịch vụ là phần doanh thu được thu từ việc sửa chữa các thiết bị iPhone, iPad,... Hư hỏng.

-Phương thức bán hàng và phương thức thanh toán tại công ty:

+ Phương thức bán hàng: Khi khách hàng có nhu cầu sửa chữa, bảo hành và mua sản phẩm điện tử, linh kiện điện tử thì đến trực tiếp tại cửa hàng của công ty để mua và sử dụng dịch vụ sửa chữa điện thoại hay các thiết bị liên quan đến máy tính.

+ Phương thức thanh toán: Theo phương thức thanh toán trực tiếp, sau khi khách hàng mua hàng và sử dụng dịch vụ bảo hành sửa chữa điện thoại, kiểm tra chất lượng, tình trạng máy móc thì khách hàng sẽ thanh toán ngay bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản thanh toán qua ngân hàng, nhưng hầu hết là khách hàng thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt.

- Công ty không cho em các sổ liệu, sổ sách, chứng từ về mảng dịch vụ mà chỉ tập trung mảng thương mại.

2.2.1.1. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.
- Doanh nghiệp không sử dụng Tài khoản chi tiết.

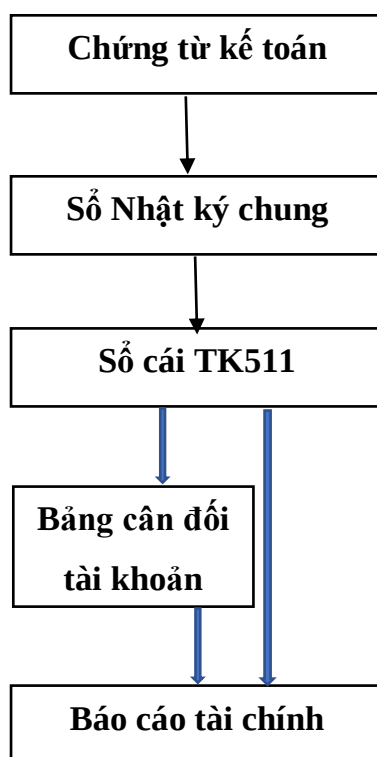
2.2.1.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng

- Chứng từ sử dụng:
 - Hóa đơn GTGT.
 - Phiếu thu.
 - Giấy báo có.
 - Các chứng từ khác có liên quan...
- Sổ sách sử dụng:
 - Sổ nhật ký chung.
 - Sổ cái TK511.

2.2.1.3. Quy trình ghi sổ kế toán tại Công ty Quy trình hạch toán:

- Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ kế toán đã được kiểm tra kế toán làm căn cứ ghi sổ Nhật ký chung và từ số liệu trên sổ Nhật ký chung ghi vào sổ cái các tài khoản.
- Định kỳ cuối tháng kế toán cộng số liệu trên sổ cái các tài khoản lập Bảng cân đối phát sinh.
- Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh và sổ cái để lập BCTC.

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát.



Ghi chú: —————> Ghi hàng ngày
 —————> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

2.2.1.4. Ví dụ minh họa

Ví dụ minh họa 1: Ngày 13/12/2023 xuất hoá đơn bán hàng cho Khách lẻ số tiền 1.420.000 (Giá chưa bao gồm thuế VAT 10%). Khách hàng thanh toán bằng tiền mặt.

Căn cứ vào hoá đơn GTGT 25 (**biểu số 2.1**), Phiếu thu 15/12 (**biểu số 2.3**), kế toán ghi Sổ nhật ký chung (**biểu số 2.5**) từ Nhật ký chung vào Sổ cái (**biểu số 2.6**). Cuối kỳ căn cứ vào số liệu các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

Ví dụ minh họa 2: Ngày 28/12/2023 xuất hoá đơn bán hàng cho Công Ty Xi Măng Nghi Sơn số tiền 5.000.000 (Giá chưa bao gồm thuế VAT 10%). Khách hàng thanh toán bằng tiền mặt.

Căn cứ vào hoá đơn GTGT 26 (**biểu số 2.2**), Phiếu thu 27/12 (**biểu số 2.4**), kế toán ghi Sổ nhật ký chung (**biểu số 2.5**) từ Nhật ký chung vào Sổ cái (**biểu số 2.6**). Cuối kỳ căn cứ vào số liệu các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.



NAM TÀI PHÁT STORE

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Ngày 13 tháng 12 năm 2023

(BẢN THẺ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ)

Mã của CQT: 0082EBE6C7508C431FAA0E23FD664389C3

Ký hiệu: 1C23TTP

Số: 25

Đơn vị bán hàng : **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NAM TÀI PHÁT**

Mã số thuế : **0401636723**

Địa chỉ : **K93/2B Đường 3 tháng 2, Phường Thuận Phước, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**

Điện thoại : **0972983888**

Số tài khoản :

Người mua hàng: NGƯỜI MUA KHÔNG LẤY HÓA ĐƠN

Tên đơn vị: NGƯỜI MUA KHÔNG LẤY HÓA ĐƠN

Mã số thuế: _____

Địa chỉ: NGƯỜI MUA KHÔNG LẤY HÓA ĐƠN

Hình thức thanh toán: Tiền mặt Đồng tiền thanh toán: VND

Số tài khoản: _____

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Mạch chính VT - gigabyte- H110M-Gaming	Cái	1	1.420.000	1.420.000
Cộng tiền hàng:					1.420.000
Thuế suất GTGT:		10%	Tiền thuế GTGT:		142.000
Tổng tiền thanh toán:					1.562.000
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng					

Người mua hàng

(Chữ ký số (nếu có))

Người bán hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NAM TÀI PHÁT

Ký ngày: 13/12/2023

Mã nhận hóa đơn: **26CBLMKL7B5** tra cứu tại: <http://einvoice.vn/tra-cuu>

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

(Xuất bởi phần mềm EInvoice, Công ty TNHH Phát triển công nghệ Thái Sơn - MST: 0101300842 - www.einvoice.vn)

Biểu số 2.1 : Hóa đơn GTGT 25 ngày 13/12/2023



NAM TÀI PHÁT STORE

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 28 tháng 12 năm 2023

(BẢN THẺ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ)

Mã của CQT: 009215EEE616C44FC9A4B0946469660CB2

Ký hiệu: 1C23TTP

Số: 26

Đơn vị bán hàng : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NAM TÀI PHÁT
Mã số thuế : 0401636723
Địa chỉ : K93/2B Đường 3 tháng 2, Phường Thuận Phước, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại : 0972983888
Số tài khoản :

Người mua hàng:

Tên đơn vị: Công Ty Xi Măng Nghi Sơn

Mã số thuế: 2800464741

Địa chỉ: Phường Hải Thượng - Thị Xã Nghi Sơn- Tỉnh Thanh Hóa

Hình thức thanh toán: Tiền mặt

Đồng tiền thanh toán: VND

Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Màn hình AOC LED 23.6" I2476VW/BK	Chiếc	1	2.636.364	2.636.364
2	Cạc màn hình inno3D GTX 750 TI 2GB GDDR5	Chiếc	1	2.363.636	2.363.636

Cộng tiền hàng: 5.000.000

Thuế suất GTGT: 10%

Tiền thuế GTGT: 500.000

Tổng tiền thanh toán: 5.500.000

Số tiền viết bằng chữ: Năm triệu năm trăm nghìn đồng

Người mua hàng
(Chữ ký số (nếu có))

Người bán hàng
(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NAM
TÀI PHÁT

Ký ngày: 28/12/2023

Mã nhận hóa đơn: 26CBL2VFK4Z tra cứu tại: <http://einvoice.vn/tra-cuu>
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

(Xuất bởi phần mềm EInvoice, Công ty TNHH Phát triển công nghệ Thái Sơn - MST: 0101300842 - www.einvoice.vn)

Biểu số 2.2 : Hóa đơn GTGT 26 ngày 28/12/2023

Biểu số 2.3 : Phiếu thu 15/12

Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát

Mẫu số 01 - TT

K93/2B Đường 3 tháng 2, Phường Thuận Phước, Quận
Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Quyển số: 03

Ngày 13 tháng 12 năm 2023

Số: PT 15/12

Nợ: 111

Có: 511, 333

Họ và tên người nộp tiền: Khách lẻ

Địa chỉ: K93/2B Đường 3 tháng 2, P Thuận Phước, Q Hải Châu, TP Đà Nẵng

Lý do nộp: Thanh toán tiền mua hàng

Số tiền: **1.562.000** (Viết bằng chữ): Một triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng

Kèm theo: Hoá đơn GTGT số: 25 Chứng từ gốc

Ngày 13 tháng 12 năm 2023

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người nộp
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Lục Thị Nhâm

Từ Thị Thảo

Nguyễn An

Võ Thị Thanh Nga

Biểu số 2.4 : Phiếu thu 27/12

Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát

Mẫu số 01 - TT

K93/2B Đường 3 tháng 2, Phường Thuận Phước, Quận
Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Quyển số: 03

Ngày 28 tháng 12 năm 2023

Số: PT 27/12

Nợ: 111

Có: 511, 333

Họ và tên người nộp tiền: Công Ty Xi Măng Nghi Sơn.

Địa chỉ: K93/2B Đường 3 tháng 2, P Thuận Phước, Q Hải Châu, TP Đà Nẵng

Lý do nộp: Thanh toán tiền mua hàng.

Số tiền: **5.500.000** (Viết bằng chữ): Năm triệu năm trăm nghìn đồng.

Kèm theo: Hoá đơn GTGT số: 26 Chứng từ gốc.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người nộp
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Lục Thị Nhâm

Từ Thị Thảo

Nghi Sơn

Võ Thị Thanh Nga

Biểu số 2.5 : Nhật ký chung

Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát

Mẫu SỐ S03a-DN

K93/2B Đường 3 tháng 2, Phường Thuận Phước,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số cái	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang					
...	...	...	...	...	...	...	...	...
1/11	PC 05/8	1/11	Nộp tiền vào TK			112	100.000.000	
						1111		100.000.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...
13/12	PT 15/12	13/12	Bán hàng cho khách lẻ			111	1.562.000	
						511		1.420.000
						3331		142.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...
28/12	PT 27/12	28/12	Bán hàng cho công ty Xi Măng Nghi Sơn			111	5.500.000	
						511		5.000.000
						3331		500.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...
30/12	PC 31/12	30/12	Bán hàng cho Công ty TNHH Điện Tư Tín Học Vinh Hoàng			131	4.123.350	
						511		3.748.500
						3331		374.850
...	...	...	...	...	...	...	...	...
			Cộng chuyển sang trang sau				422.150.314.228	422.150.314.228

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Từ Thị Thảo

Từ Thị Thảo

Lục Thị Nhâm

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán của Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát)

Biểu số 2.6: Sổ cái TK 511

Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát

Mẫu số S03b-DN

K93/2B Đường 3 tháng 2, Phường Thuận Phước,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

SỔ CÁI

Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm. Số phát sinh trong tháng			
...	...	...	...	...	...	...
11/09	GBC 28	11/09	Công ty Nam Thịnh thanh toán tiền hàng	112		4.990.000
...	...	...	...	...	...	...
25/09	GBC 38	25/09	Công ty Sp One	112		12.000.000
...	...	...	...	...	...	...
13/12	PT 15/12	13/12	Khách lẻ thanh toán tiền hàng	111		1.420.000
...	...	...	...	...	...	...
28/12	PT 27/12	28/12	Bán hàng cho công ty Xi Măng Nghi Sơn	111		5.000.000
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT 10	31/12	Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh	911	49.604.877.400	
			Cộng phát sinh		49.604.877.400	49.604.877.400
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Từ Thị Thảo

Từ Thị Thảo

Lục Thị Nhâm

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán của Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát)

2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại công ty TNHH MTV Nam Tài Phát

“Các khoản giảm trừ doanh thu tại công ty năm 2023 không phát sinh”

2.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty TNHH MTV Nam Tài Phát

2.2.3.1. Chứng từ sử dụng tại công ty

- Phiếu thu, giấy báo có, các chứng từ khác có liên quan

2.2.3.2. Tài khoản sử dụng tại công ty

- TK 515: Doanh thu tài chính.
- Các tài khoản khác có liên quan...

2.2.3.3. Sổ sách kế toán tại công ty

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 515
- Doanh nghiệp không sử dụng sổ chi tiết

2.2.3.4. Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty TNHH

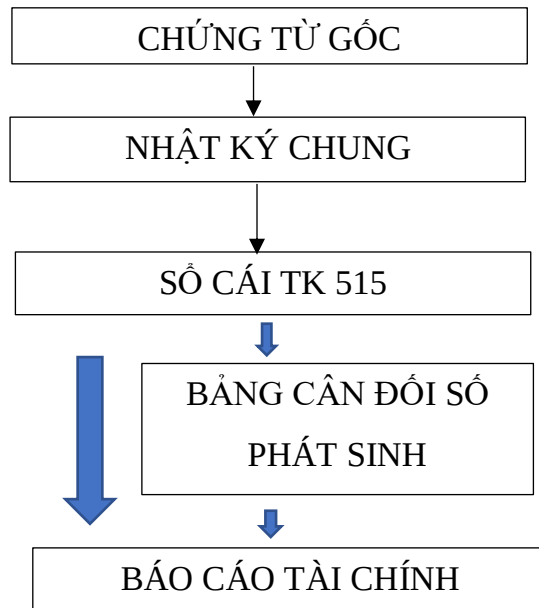
MTV Nam Tài Phát

Khi nhận được chứng từ liên quan đến doanh thu, chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ: Phiếu thu, Giấy báo có, Phiếu trả lãi tài khoản, Hợp đồng cho vay vốn kinh doanh... kế toán ghi vào Sổ Nhật ký chung. Từ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái TK 515 (Theo sơ đồ 2.5)

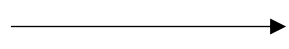
Ví dụ minh họa 3:

Ngày 28/08/2023, căn cứ vào giấy báo có, hạch toán lãi tiền gửi từ ngân hàng VietinBank số tiền 41.500 VND

Kế toán căn cứ vào Giấy báo có (**Biểu số 2.7**) kế toán tiến hành ghi vào Sổ nhật ký chung (**Biểu số 2.8**). Từ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái TK 515 (**Biểu số 2.9**).



Chú thích:



Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát

Biểu số 2.7: Giấy báo có

Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam



GIẤY BÁO CÓ

Credit Advice

Số giao dịch <i>Transaction number</i>	: 940		
Ngày thực hiện <i>Transaction date</i>	: 28-08-2023 00:57:20		
Tên người chuyển <i>Appilication Name</i>	:		
Số tài khoản <i>From account number</i>	:		
Tại ngân hàng <i>With Bank</i>	:		
Người thụ hưởng <i>Beneficiary</i>	: CTY TNHH MTV NAM TAI PHAT		
Số tài khoản <i>To account number</i>	: 111000149173		
Tại ngân hàng <i>With Bank</i>	: 48098 - CN DA NANG - HOI SO		
Số tiền bằng số <i>Amount in figures</i>	: 41,500	Loại tiền <i>Currency</i>	: VND
Số tiền bằng chữ <i>Amount in words</i>	: Bốn mươi một nghìn năm trăm đồng chẵn./.		
Nội dung <i>Remarks</i>	: Lãi tiền gửi		
Kênh chuyển tiền <i>Channel</i>	:	In từ dịch vụ VietinBank eFast <i>Date printed</i>	:29/08/2023 09:31:20

Lập bảng
Maker

Kiểm soát viên
Supervisor

Biểu số 2.8: Nhật ký chung

Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát

Mẫu SỐ S03a-DN

K93/2B Đường 3 tháng 2, Phường Thuận Phước,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số cái	S T T	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng					Nợ	Có
			Trang trước chuyển sang					
...	...	...	...	...	...	...	...	...
21/03	PXK 30/03	21/03	Giá vốn xuất kho linh kiện điện tử cho công ty Sp One			632	20.756.686	
						156		20.756.686
...	...	...	...	...	...	...	...	...
28/08	GBC 940	28/08	Lãi tiền gửi từ Ngân hàng tháng 8			112	41.500	
						515		41.500
...	...	...	...	...	...	...	...	...
01/09	PT 02/09	01/09	Rút TGNH nhập quỹ tiền mặt			111	20.000.000	
						112		20.000.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...
28/11	PC 23/11	28/11	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm cho anh Hồ Tấn Tư			642	4.725.000	
						133	472.500	
						111		5.197.500
...	...	...	...	...	...	...	...	...
Cộng chuyển sang trang sau							422.150.314.228	422.150.314.228

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Từ Thị Thảo

Từ Thị Thảo

Lục Thị Nhâm

Biểu số 2.9: Sổ cái TK515

Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát

K93/2B Đường 3 tháng 2, Phường Thuận Phước,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm Số phát sinh trong tháng			
...	...	...	...	...	...	...
28/01	GBC 000018	28/01	Lãi tiền gửi từ Ngân hàng tháng 1	112		83.421
...	...	...	...	...	...	...
28/05	GBC 000020	28/05	Lãi tiền gửi từ Ngân hàng tháng 5	112		264.112
...	...	...	...	...	...	...
28/08	GBC 000940	28/08	Lãi tiền gửi từ Ngân hàng tháng 8	112		41.500
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT 13	31/12	Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh	911	2.050.000	
			Cộng phát sinh		2.050.000	2.050.000
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Từ Thị Thảo

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Từ Thị Thảo

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Lục Thị Nhâm

2.2.4. Kế toán thu nhập khác tại công ty TNHH MTV Nam Tài Phát

“Các khoản thu nhập khác tại công ty năm 2023 không phát sinh”.

2.2.5. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH MTV Nam Tài Phát

- Giá vốn hàng bán tại công ty là giá trị thực tế xuất kho của số hàng hoá đã bán. Công ty tính giá vốn hàng hoá theo phương pháp Nhập trước xuất trước.

2.2.5.1. Chứng từ sử dụng:

- Phiếu xuất kho.
- Phiếu kế toán.

2.2.5.2. Tài khoản sử dụng

- TK632: Giá vốn hàng bán
- Công ty không sử dụng tài khoản chi tiết.

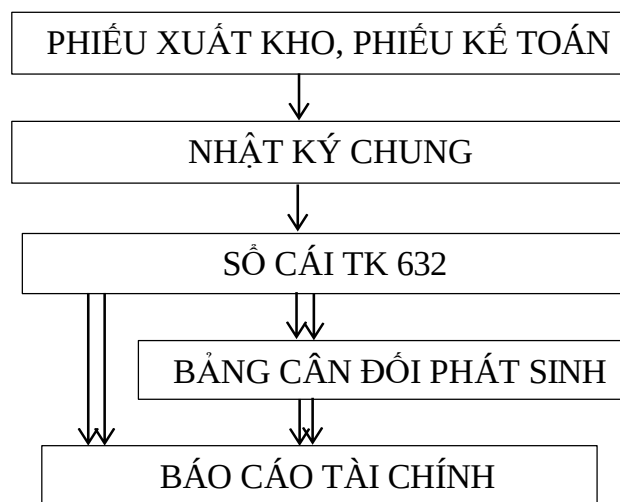
2.2.5.3. Sổ sách kế toán tại công ty

- Nhật ký chung, Sổ cái TK632. Công ty không mở sổ chi tiết tài khoản 632.

2.2.5.4. Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại công ty:

Khi nhận được Phiếu xuất kho từ kế toán kho thì kế toán trưởng ghi vào Sổ Nhật ký chung. Từ sổ Nhật ký chung, kế toán trưởng ghi vào Sổ cái TK 632 (Theo sơ đồ 2.6)

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát



Chú thích:

—————>

Ghi hàng ngày

=====>

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

Ví dụ minh họa 4:

Ngày 13/12/2023 xuất kho bán hàng tổng trị giá xuất kho là 1.300.000 VND, cho khách lẻ theo hóa đơn GTGT số 25.

➤ Căn cứ vào Hoá đơn GTGT số 25, kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.12**), từ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái TK632 (**Biểu số 2.13**). Kẹp phiếu xuất kho số 01/12 (**Biểu số 2.10**).

Ví dụ minh họa 5:

Ngày 28/12/2023 xuất kho bán hàng tổng trị giá xuất kho là 4.500.000 VND, cho phòng Công ty Xi măng Nghi Sơn theo Hóa đơn GTGT số 26.

➤ Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 26, kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.12**), từ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái TK632 (**Biểu số 2.13**). Kẹp phiếu xuất kho số 02/12 (**Biểu số 2.11**).

- Doanh nghiệp tính giá vốn theo phương pháp FIFO : (First In, First Out) là phương pháp mà hàng hóa, nguyên liệu nào được nhập kho trước thì sẽ được xuất kho trước. Phiếu xuất kho sẽ cho biết lô hàng nào xuất trước (được tính giá theo giá nhập kho của các lô hàng trước đó).

- Ghi nhận giá vốn hàng bán dựa trên phiếu xuất kho vì phiếu xuất kho là chứng từ ghi nhận việc xuất hàng thực tế từ kho của doanh nghiệp. Việc ghi nhận giá vốn từ phiếu xuất kho giúp xác định chi phí thực tế liên quan đến hàng hóa

Biểu số 2.10: Phiếu xuất kho số 01/12

Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát

Mẫu số 02 - TT

K93/2B Đường 3 tháng 2, Phường Thuận Phước,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 13 tháng 12 năm 2023

Số 01/12

Nợ: 632

Có: 156

Họ và tên người nhận: Khách lẻ

Địa chỉ (bộ phận): Kho

Lý do xuất kho: Xuất bán cho khách lẻ

Xuất Kho tại: Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát

Địa chỉ: K93/2B Đường 3 tháng 2, P Thuận Phước, Q Hải Châu, TP Đà Nẵng

STT	Tên hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Mạch chính VT - gigabyte-H110M-Gaming		Cái	1	1	1.181.818	1.181.818
	Cộng						1.181.818

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Một triệu một trăm tám mươi một nghìn tám trăm mười tám đồng.

Số chứng từ gốc kèm theo

Ngày 13 tháng 12 năm 2023

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người nộp
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Lục Thị Nhâm

Từ Thị Thảo

Nguyễn Thanh Thảo

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán của Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát)

Biểu số 2.11: Phiếu xuất kho số 02/12

Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát
K93/2B Đường 3 tháng 2, Phường Thuận

Mẫu số 02 - TT
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO
Ngày 28 tháng 12 năm 2023
Số 02/12

Nợ: 632
Có: 156

Họ và tên người nhận: Công ty Xi Măng Nghi Sơn Địa chỉ (bộ phận): Kho
Lý do xuất kho: Xuất bán cho Công ty Xi Măng Nghi Sơn
Xuất Kho tại: Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát
Địa chỉ: K93/2B Đường 3 tháng 2, P Thuận Phước, Q Hải Châu, TP Đà Nẵng

STT	Tên hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Màn hình ACO LED 23.6" 12476VW/BK		Chiếc	1	1	2.181.818	2.181.818
2	Cạc màn hình inno3D GTX 750 TI 2GB GDDR5		Chiếc	1	1	1.909.091	1.909.091
	Cộng						4.090.909

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Bốn triệu không trăm chín mươi nghìn chín trăm linh chín đồng.

Số chứng từ gốc kèm theo

Ngày 28 tháng 12 năm 2023

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Lục Thị Nhâm

Từ Thị Thảo

Nguyễn Thanh Thảo

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán của Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát)

Biểu số 2.12: Sổ nhật ký chung

Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát

Mẫu SỐ S03a-DN

K93/2B Đường 3 tháng 2, Phường Thuận Phước,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang					
...	...	...	...	...	...	...	...	...
1/11	PC 05/08	1/11	Nộp tiền vào TK			112	100.000.000	
						1111		100.000.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...
13/12	PXK 01/12	13/12	Bán hàng cho khách lẻ			632	1.181.818	
						156		1.181.818
28/12	PXK 02/12	28/12	Giá vốn xuất kho hàng điện tử cho công ty Xi măng Nghi Sơn			632	4.090.909	
						156		4.090.909
...	...	...	...	...	...	...	...	...
30/12	PT 31/12	30/12	Bán hàng cho Công ty TNHH Điện Tủ Tin Học Vĩnh Hoàng			131	4.123.350	
						511		3.748.500
						3331		374.850
...	...	...	...	...	...	...	...	...
			Cộng chuyển sang trang sau				422.150.314.228	422.150.314.229

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Từ Thị Thảo

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Từ Thị Thảo

Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Lục Thị Nhâm

Biểu số 2.13 : Sổ cái TK 632

Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát

Mẫu số S03b-DN

K93/2B Đường 3 tháng 2, Phường Thuận Phước,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI
Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm Số phát sinh trong tháng			
...	...	...	...	...	...	...
13/12	PXK 01/12	13/12	Giá vốn xuất kho hàng điện tử cho khách lẻ	156	1.181.818	
28/12	PXK 02/12	28/12	Giá vốn xuất kho hàng điện tử cho công ty Xi măng Nghi Sơn	156	4.090.909	
...	...	...	...	...	...	...
29/12	PXK 15/12	29/12	Giá vốn xuất kho bút trình chiếu cho công ty Thạch Hải	156	4.250.000	
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT 11	31/12	Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh	911		44.806.167.316
			Cộng phát sinh		44.806.167.316	44.806.167.316
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Từ Thị Thảo

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Từ Thị Thảo

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Lục Thị Nhâm

2.2.6. Kế toán chi phí bán hàng tại công ty TNHH MTV Nam Tài Phát

- Tại công ty phát sinh chi phí liên quan đến chi phí bán hàng như chi phí mua thiết bị hay văn phòng phẩm phục vụ cho việc bán hàng, chi phí lương cho nhân viên bán hàng,...

2.2.6.1. Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi. Bảng lương. Bảng chấm công

2.2.6.2. Tài khoản sử dụng

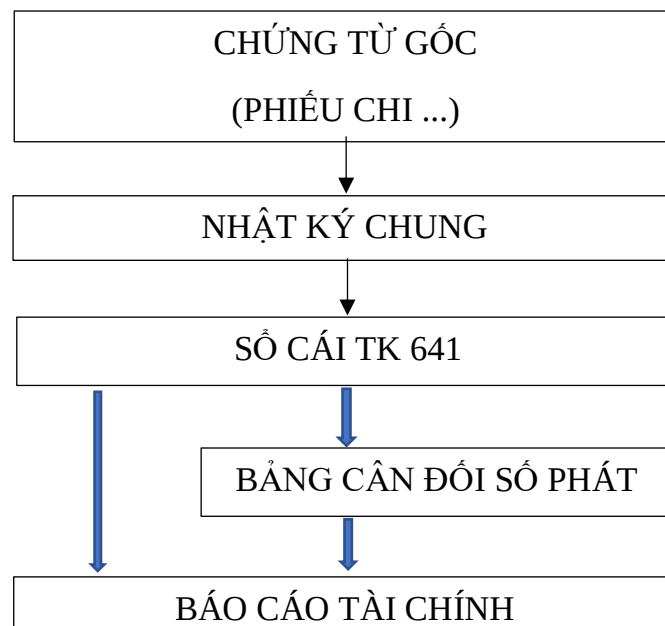
- TK641: Chi phí bán hàng. Công ty không sử dụng tài khoản chi tiết

2.2.6.3. Sổ sách kế toán tại công ty

- Nhật ký chung. Sổ cái TK641.

2.2.6.4. Quy trình hạch toán chi phí bán hàng tại công ty:

Khi nhận được Phiếu xuất kho, kế toán ghi vào Sổ Nhật ký chung. Từ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái TK 641 (Theo sơ đồ 2.7)



Chú thích:



Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán chi phí hàng bán tại Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát

Ví dụ minh họa 6

Trả lương tháng 10 cho nhân viên bán hàng tại công ty TNHH MTV Nam Tài Phát.

Căn cứ vào Bảng chấm công (**Biểu số 2.14**) và *Bảng lương (Biểu số 2.15)*, kế toán lập phiếu chi số 30/10 (**Biểu số 2.16**), căn cứ các phiếu trên kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.17**). Từ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái TK641 (**Biểu số 2.18**)

- Giám đốc công ty không có tên trên bảng lương. Vì giám đốc cũng là chủ sở hữu, tức là người góp vốn duy nhất và là người điều hành công ty, thì họ thường không nhận lương bởi vì các khoản thu nhập cá nhân của họ đến từ lợi nhuận sau thuế của công ty. Thay vì được trả lương như một nhân viên hay người lao động, giám đốc được hưởng toàn bộ lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của công ty sau khi đã đóng các khoản thuế và chi phí cần thiết.

- Doanh nghiệp không đóng Bảo hiểm xã hội cho nhân viên.

- Theo Nghị định 38/2022/NĐ-CP thì từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023, mức lương tối thiểu vùng tiếp tục thực hiện theo quy định về mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động. Theo quy định thì Đà Nẵng thuộc vùng II nên mức lương tối thiểu theo vùng II là: 4.160.000 đ/ tháng (20.000 đồng/ giờ). Doanh nghiệp áp dụng quy định mức lương tối thiểu theo vùng II cho nhân viên từ ngày 01/01/2023.

Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát
K93/2B Đường 3 tháng 2, Phường Thuận Phước, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
MST: 0401636723

BẢNG CHẤM CÔNG

Tháng 10 năm 2023

STT	Họ và tên	NGÀY TRONG THÁNG/THỨ TRONG TUẦN																															Số Công
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	
	BỘ PHẬN NHÂN SỰ																																
1	Phạm Hải Minh		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	26
2	Bùi Công Minh		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	26
	BỘ PHẬN KINH DOANH																																
3	Đặng Trần Tuấn Phong		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	26
4	Hồ Tấn Tư		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	26
5	Nguyễn Viết Vũ		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	26
	BỘ PHẬN KẾ TOÁN																																
6	Từ Thị Thảo		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	26
7	Nguyễn Thanh Thảo		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	26
8	Phạm Thị Tuyết		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	26
	BỘ PHẬN BÁN HÀNG																																
9	Võ Thị Thanh Nga		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	26

Người chấm công
(Ký tên)

Từ Thị Thảo

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 10 năm 2023
Kế toán trưởng
(Ký tên)

Từ Thị Thảo

Biểu số 2.14: Bảng chấm công

Biểu số 2.15: Bảng lương tháng 10

Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát
K93/2B Đường 3 tháng 2, Phường Thuận Phước, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

MST: 0401636723

BẢNG LƯƠNG
Tháng 10 năm 2023

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	LƯƠNG CƠ BẢN	NGÀY CÔNG THỰC TẾ	LƯƠNG THỰC TẾ	PHỤ CẤP		THỰC LÃNH	KÝ TÊN
						PHỤ CẤP ĐIỆN THOẠI	PHỤ CẤP PHỤ TRÁCH NGHIỆM		
BỘ PHẬN NHÂN SỰ									
1	Phạm Hải Minh	Trưởng Phòng Nhân Sự	11.600.000	52	11.600.000	400.000	1.300.000	13.300.000	
			7.000.000	26	7.000.000	200.000	800.000	8.000.000	
2	Bùi Công Minh	Nhân viên phòng nhân sự	4.600.000	26	4.600.000	200.000	500.000	5.300.000	
BỘ PHẬN KINH DOANH									
3	Đặng Trần Tuấn Phong	Trưởng Phòng Kinh doanh	16.200.000	78	16.200.000	600.000	1.800.000	18.600.000	
			7.000.000	26	7.000.000	200.000	800.000	8.000.000	
4	Hồ Tấn Tư	Nhân viên phòng kinh doanh	4.600.000	26	4.600.000	200.000	500.000	5.300.000	
			4.600.000	26	4.600.000	200.000	500.000	5.300.000	
5	Nguyễn Viết Vũ	Nhân viên phòng kinh doanh	4.600.000	26	4.600.000	200.000	500.000	5.300.000	
BỘ PHẬN KẾ TOÁN									
6	Từ Thị Thảo	Kế toán trưởng	17.000.000	78	17.000.000	600.000	1.800.000	19.400.000	
			7.000.000	26	7.000.000	200.000	800.000	8.000.000	
7	Nguyễn Thanh Thảo	Kế toán kho	5.000.000	26	5.000.000	200.000	500.000	5.700.000	
8	Phạm Thị Tuyết	Kế toán thuế	5.000.000	26	5.000.000	200.000	500.000	5.700.000	
BỘ PHẬN BÁN HÀNG									
9	Võ Thị Thanh Nga	Nhân viên bán hàng	5.000.000	26	5.000.000	200.000	500.000	5.700.000	
TỔNG			49.800.000	234	49.800.000	1.800.000	5.400.000	57.000.000	

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 10 năm 2023

Người lập

Từ Thị Thảo

Giám đốc

Lục Thị Nhâm

Biểu số 2.16: Phiếu chi số 30/10

Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát

Mẫu số 01 - TT

K93/2B Đường 3 tháng 2, Phường Thuận Phước, Quận
Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 31 tháng 10 năm 2023

Quyển số:

Số: PC 30/10

Nợ: 334

Có: 111

Họ và tên người nhận tiền: Từ Thị Thảo

Địa chỉ: Phòng Kế toán

Lý do chi: Thanh toán lương cho toàn bộ nhân viên tháng 10

Số tiền: **57.000.000** (Viết bằng chữ): Năm mươi bảy triệu đồng.

Kèm theo: 1 chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Năm mươi bảy triệu đồng

Ngày 31 tháng 10 năm 2023

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)
Lục Thị Nhâm

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)
Từ Thị Thảo

Người nhận
(Ký, họ tên)
Từ Thị Thảo

Người lập
(Ký, họ tên)
Từ Thị Thảo

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.17: Nhật ký chung

Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát

Mẫu SỐ S03a-DN

K93/2B Đường 3 tháng 2, Phường Thuận Phước,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số cái	STT	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang					
...	...	...	...	...	...	...	...	...
31/10	PC 30/10	31/10	Thanh toán lương tháng 10			334	57.000.000	
						111		57.000.000
31/10	BL T10	31/10	Chi phí lương tháng 10 cho nhân viên bán hàng			641	5.700.000	
						334		5.700.000
31/10	BL T10	31/10	Chi phí lương tháng 10 cho nhân viên bộ phận khác			642	51.300.000	
						334		51.300.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...
Cộng chuyển sang trang sau							422.150.314.228	422.150.314.228

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Từ Thị Thảo

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Từ Thị Thảo

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Lục Thị Nhâm

Biểu số 2.18: Sổ cái TK 641

Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát

K93/2B Đường 3 tháng 2, Phường Thuận Phước, Quận
Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Tài khoản 641 - Chi phí bán hàng

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm Số phát sinh trong tháng			
...	...	...	...	...	...	...
31/08	PC 29/09	31/08	Chi tiền lương tháng 8 cho nhân viên bán hàng	334	5,700,000	
25/09	PC 26/9	25/09	Khấu hao máy Photocopy phục vụ cho bán hàng	214	3,000,000	
...	...	...	...	...	...	...
31/10	BL T10	31/10	Chi phí lương tháng 10 cho nhân viên bán hàng	334	5,700,000	
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT 12	31/12	Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh	911		463,771,000
			Cộng phát sinh		463,771,000	463,771,000
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Từ Thị Thảo

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Từ Thị Thảo

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Lục Thị Nhâm

2.2.7. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty TNHH MTV Nam Tài Phát

Tại công ty phát sinh chi phí liên quan đến chi phí quản lý doanh nghiệp như chi phí mua thiết bị hay văn phòng phẩm phục vụ cho doanh nghiệp, chi phí lương cho nhân viên, xăng xe,...

2.2.7.1. Chứng từ sử dụng tại công ty

- Phiếu chi. Bảng lương. Bảng chấm công. Các chứng từ khác có liên quan

2.2.7.2. Tài khoản sử dụng tại công ty

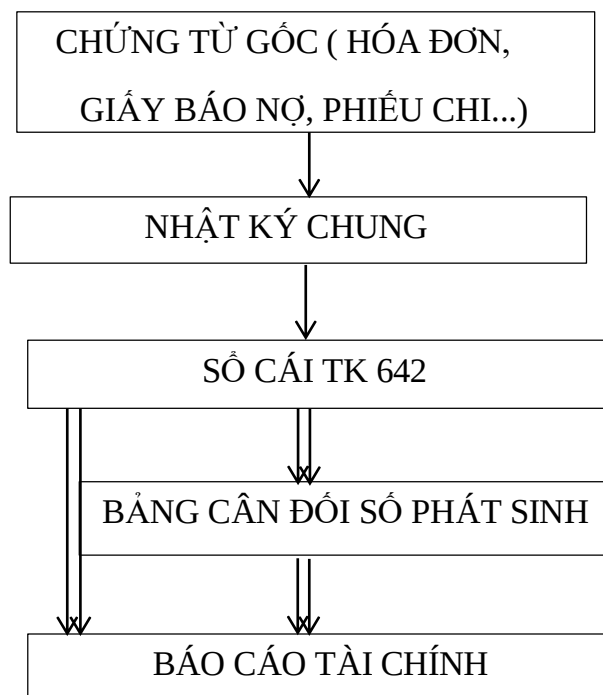
- TK642: Chi phí quản lý kinh doanh. Công ty không sử dụng tài khoản chi tiết.

2.2.7.3. Sổ sách kế toán tại công ty

- Sổ Nhật ký chung. Sổ cái TK 642

2.2.7.4. Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

Khi nhận được hóa đơn, chứng từ liên quan đến chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ: Bảng tính tiền lương, Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ, các hóa đơn chứng từ, Phiếu chi...kế toán ghi vào Sổ Nhật ký chung. Từ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái TK 642 (Theo sơ đồ 2.8)



Sơ đồ 2.8 : Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát

Chú thích:	_____→	Ghi hàng ngày
	=====→	Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

Ví dụ minh họa 7

Trả lương tháng 10 cho tất cả nhân viên (trừ bán hàng) công ty TNHH MTV Nam Tài Phát. Căn cứ vào Bảng chấm công (**Biểu số 2.14**) và Bảng lương (**Biểu số 2.15**), kế toán lập phiếu chi số 30/10 (**Biểu số 2.16**), căn cứ các phiếu trên kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.17**). Các bảng này đã có ở trang 61, 62, 63 .Từ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái TK642 (**Biểu số 2.19**).

Biểu số 2.19: Sổ cái Tài khoản 642

Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát

K93/2B Đường 3 tháng 2, Phường Thuận Phước, Quận Hải
Châu, Thành phố Đà Nẵng

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Tài khoản 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm Số phát sinh trong tháng			
...	...	...	...	...	...	...
02/08	PC 03/08	02/08	Tiếp khách	111	4.500.000	
...	...	...	...	...	...	...
15/09	PC 13/09	15/09	Tiền điện tháng 8	111	3.800.200	
...	...	...	...	...	...	...
31/10	BL T10	31/10	Chi phí lương tháng 10 cho nhân viên bộ phận khác	334	51.300.000	
...	...	...	...	...	...	...
28/11	PC 23/11	28/11	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm cho anh Hồ Tấn Tư	111	5.197.500	
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT 12	31/12	Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh	911		2.000.000.670
			Cộng phát sinh		2.000.000.670	2.000.000.670
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Từ Thị Thảo

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Từ Thị Thảo

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Lục Thị Nhâm

2.2.8. Thực trạng công tác kế toán chi phí tài chính tại Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát

2.2.8.1. Chứng từ sử dụng tại công ty

- Phiếu chi
- Giấy báo nợ
- Các chứng từ khác có liên quan

2.2.8.2. Tài khoản sử dụng tại công ty

- TK 635: Chi phí tài chính
- Các tài khoản khác có liên quan

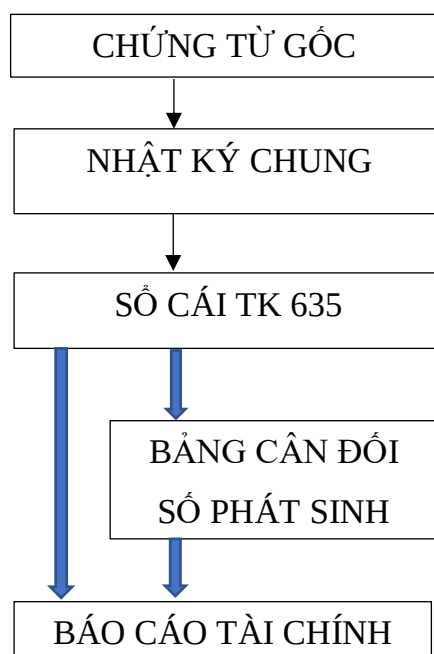
2.2.8.3. Sổ sách kế toán tại công ty

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 635
- Công ty không sử dụng sổ chi tiết

2.2.8.4. Quy trình hạch toán chi phí tài chính tại công ty

Khi nhận được chứng từ liên quan đến chi phí tài chính phát sinh trong kỳ: Giấy báo nợ,... kế toán ghi vào Sổ Nhật ký chung. Từ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái TK 635 (Theo sơ đồ 2.9)

Sơ đồ 2.9: Quy trình hạch toán chi phí tài chính tại Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát



Chú thích:



Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

Ví dụ minh họa 8: Ngày 25/12/2023, Công ty nhận được giấy báo nợ của Ngân hàng Vietinbank về số tiền lãi phải trả, số tiền là 2.944.000 đồng.

Kế toán căn cứ vào Giấy báo nợ (**Biểu số 2.20**), tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.21**). Từ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái 635 (**Biểu số 2.22**)

GIẤY BÁO NỢ

Debit Advice

Số giao dịch <i>Transaction number</i>	: 983		
Ngày thực hiện <i>Transaction date</i>	: 25-10-2023 10:08:02		
Tên người chuyển <i>Appplication Name</i>	: CTY TNHH MTV NAM TAI PHAT		
Số tài khoản <i>From account number</i>	: 111000149173		
Tại ngân hàng <i>With Bank</i>	: 48098 - CN DA NANG - HOI SO		
Người thụ hưởng <i>Beneficiary</i>	:		
Số tài khoản <i>To account number</i>	:		
Tại ngân hàng <i>With Bank</i>	: VietinBank		
Số tiền bằng số <i>Amount in figures</i>	: 2,944,000	Loại tiền <i>Currency</i>	: VND
Số tiền bằng chữ <i>Amount in words</i>	: Hai triệu, chín trăm bốn mươi bốn nghìn đồng chẵn./.		
Nội dung <i>Remarks</i>	: Ngân hàng thu lãi		
Kênh chuyển tiền <i>Channel</i>	:	In từ dịch vụ VietinBank eFast <i>Date printed</i>	:26/10/2023 09:30:26

Lập bảng
Maker

Kiểm soát viên
Supervisor

Biểu số 2.20 : Giấy báo nợ

Biểu số 2.21: Nhật ký chung

Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát

K93/2B Đường 3 tháng 2, Phường Thuận Phước,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Mẫu SỐ S03a-DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số cái	ST T	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang					
...	...	...	...	...	...	...	...	...
21/03	PXK 30/03	21/03	Giá vốn xuất kho linh kiện điện tử cho công ty Sp One			632	20.756.686	
						156		20.756.686
...	...	...	...	...	...	...	...	...
01/09	PT 02/09	01/09	Rút TGNH nhập quỹ tiền mặt			111	20.000.000	
						112		20.000.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...
25/10	GBN 983	25/10	Ngân hàng thu lãi tháng 10			635	2.944.000	
						112		2.944.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...
28/11	PC 23/11	28/11	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm cho anh Hồ Tấn Tư			642	4.725.000	
						133	472.500	
						111		5.197.500
...	...	...	...	...	...	...	...	...
			Cộng chuyển sang trang sau				422.150.314.228	422.150.314.228

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Từ Thị Thảo

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Từ Thị Thảo

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Lục Thị Nhâm

Biểu số 2.22: Sổ cái 635

Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát

K93/2B Đường 3 tháng 2, P Thuận Phước, Q Hải Châu, TP Đà Nẵng

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI
Tài khoản 635 - Chi phí tài chính
Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh trong tháng			
...	...	...	...	...	...	...
25/03	GBN 2	25/03	Ngân hàng thu lãi tháng 3	112	800.000	
...	...	...	...	...	...	...
25/06	GBN 70	25/06	Ngân hàng thu lãi tháng 6	112	1.140.000	
...	...	...	...	...	...	...
25/10	GBN 983	25/10	Ngân hàng thu lãi tháng 10	112	2.944.000	
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT 13	31/12	Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh	911		13.000.000
			Cộng phát sinh		13.000.000	13.000.000
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Từ Thị Thảo

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Từ Thị Thảo

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Lục Thị Nhâm

2.2.9. Thực trạng công tác kế toán chi phí khác tại Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát.

“Các khoản chi phí khác tại công ty năm 2023 không phát sinh”.

2.2.10. Thực trạng công tác kế thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát.

2.2.10.1. Chứng từ sử dụng tại công ty

- Phiếu kế toán. Tờ khai quyết toán thuế năm 2023 nằm tại phần phụ lục.

2.2.10.2. Tài khoản sử dụng tại công ty

- TK 821: Chi phí thuế TNDN

2.2.10.3. Sổ sách kế toán tại công ty

- Sổ Cái TK 821
- Công ty không sử dụng tài khoản chi tiết
- Căn cứ vào Phiếu kế toán số 12 (**Biểu số 2.23**) và NKC (**Biểu số 2.24**), Sổ cái Tk 821(**Biểu số 2.25**)

- Vì có Lãi nên công ty TNHH MTV Nam Tài Phát phải nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 3 Luật thuế TNDN 2008.

Thu nhập chịu thuế = (Tổng doanh thu – Tổng chi phí) + Các khoản thu nhập khác
= [(49.604.877.400 + 2.050.000) - (44.806.167.316 + 13.000.000 + 2.000.000.670 + 463.771.000)] + 0 = 2.323.988.414

Thu nhập tính thuế = Thu nhập chịu thuế - (Thu nhập được miễn thuế + Các khoản lỗ được kết chuyển) = 2.323.988.414 - 0 = 2.323.988.414 đồng

Thuế TNDN phải nộp = (Thu nhập tính thuế - Phần trích lập quỹ KHsCN) x Thuế suất thuế TNDN hiện hành = (2.323.988.414 - 0) * 20% = 464.797.683 đồng

Biểu số 2.23: Phiếu kế toán số 12

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát

Địa chỉ: K93/2B Đường 3 tháng 2, Thuận Phước, Hải Châu

PHIẾU KẾ TOÁN

Năm 2023

Số 12

STT	Tên tài khoản	TK Đối Ứng		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Thuế TNDN phải nộp	821	3334	464.797.683
	Tổng cộng			464.797.683

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.24: NKC TK 821

Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát

K93/2B Đường 3 tháng 2, Phường Thuận Phước, Quận
Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Mẫu SỐ S03a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỐ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	S T T	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang					
...	...	...	...			...	...	...
31/12	PKT 12	31/12	Thuế TNDN phải nộp			821	464.797.683	
						3334		464.797.683
31/12	PKT 13	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN			911	464.797.683	
						821		464.797.683
...	...	...	...	...	...	...	...	...
Cộng chuyển sang trang sau							422.150.314.228	422.150.314.228

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Từ Thị Thảo

Từ Thị Thảo

Lục Thị Nhâm

Biểu số 2.25: Sổ cái TK 821

Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát

K93/2B Đường 3 tháng 2, Phường Thuận Phước,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Tài khoản 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ Số phát sinh trong kỳ			
31/12	PKT12	31/12	Thuế TNDN phải nộp	3334		464.797.683
31/12	PKT13	31/12	Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh	911	464.797.683	
			Cộng phát sinh		464.797.683	464.797.683
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Từ Thị Thảo

Từ Thị Thảo

Lục Thị Nhâm

2.2.11. Thực trạng công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát.

2.2.11.1 Chứng từ sử dụng tại công ty

- Bảng kê kết quả hoạt động kinh doanh
- Phiếu kế toán

2.2.11.2 Tài khoản sử dụng tại công ty

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
- TK 821: Chi phí thuế TNDN
- TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối

2.2.11.3 Sổ sách kế toán tại công ty

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái các TK 911, 821, 421

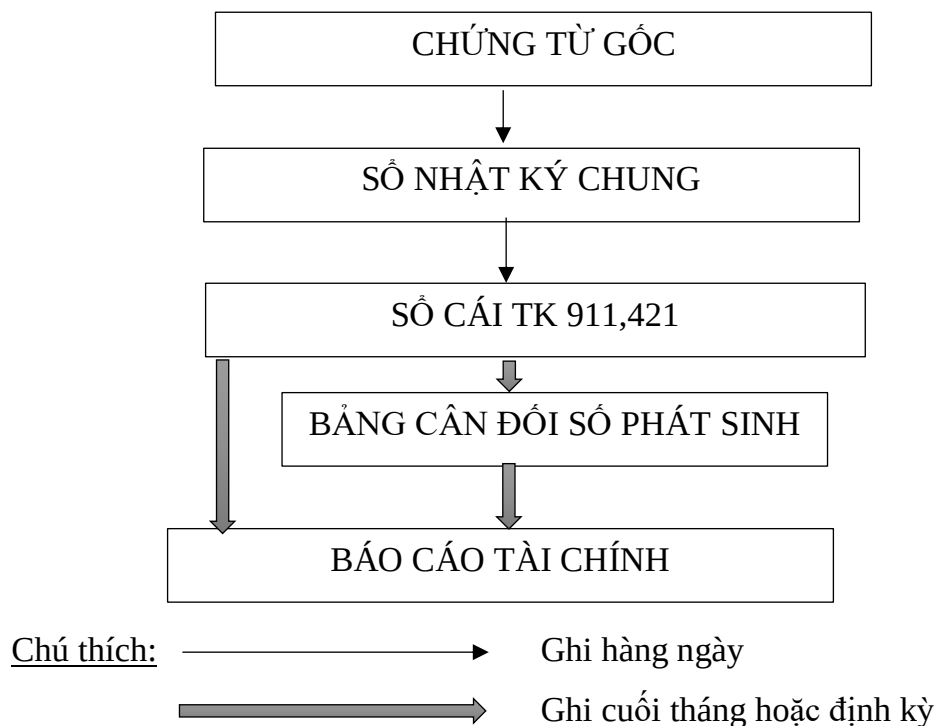
2.2.11.4 Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty

Kế toán tại Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát thực hiện các bút toán kết chuyển vào cuối kỳ. Mỗi một bút toán kết chuyển đều được ghi chép vào Sổ Nhật ký chung. Từ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái có liên quan như: Sổ cái TK 511, 632, 635, 642, 911, 821, 421... (Theo sơ đồ 2.10)

(Bảng sổ cái 821, phiếu kế toán số 12, NKC 821 đã có ở trang 74, 75)

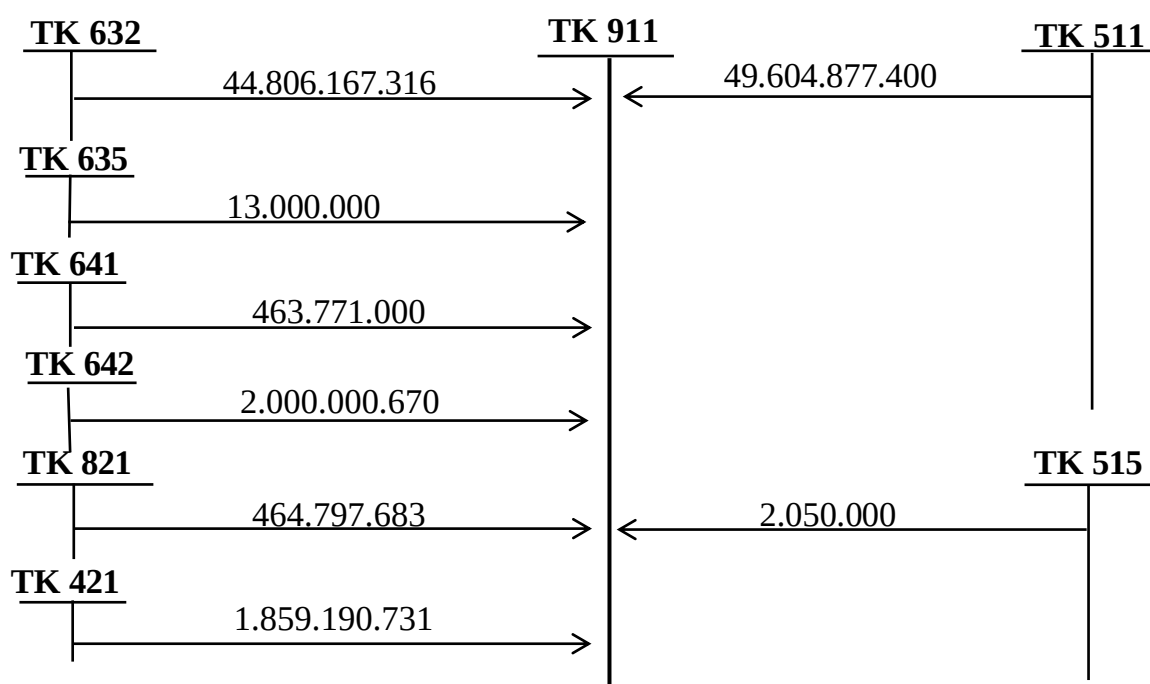
Sơ đồ 2.10: Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH

MTV Nam Tài Phát



Sơ đồ 2.11: Sơ đồ chữ T hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty

TNHH MTV Nam Tài Phát



Biểu số 2.26: Bảng kê xác định kết quả kinh doanh năm 2023

BẢNG KÊ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2023

CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	49.604.877.400
2. Doanh thu hoạt động tài chính	2.050.000
3. Giá vốn hàng bán	44.806.167.316
4. Chi phí hoạt động tài chính	13.000.000
5. Chi phí bán hàng	463.771.000
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.000.000.670
7. Lợi nhuận trước thuế	2.323.988.414
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	464.797.683
9. Lợi nhuận sau thuế	1.859.190.731

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)
Từ Thị Thảo

Người lập
(Ký, họ tên)
Từ Thị Thảo

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát

Địa chỉ: K93/2B Đường 3 tháng 2, Thuận Phước, Hải Châu

PHIẾU KẾ TOÁN

Năm 2023

Số 10

STT	Tên tài khoản	TK Đối Ứng		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	49.604.877.400
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	2.050.000
	Tổng cộng			49.606.927.400

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.27: Phiếu kế toán số 10

Biểu số 2.28: Phiếu kế toán số 11

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát

Địa chỉ: K93/2B Đường 3 tháng 2, Thuận Phước, Hải Châu

PHIẾU KẾ TOÁN

Năm 2023

Số 11

STT	Tên tài khoản	TK Đối Ứng		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	44.806.167.316
2	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	13.000.000
3	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	2.000.000.670
4	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	463.771.000
	Tổng cộng			47.282.938.986

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.29 : Phiếu kế toán số 13

Biểu số 2.30 : Phiếu kế toán số 14

PHIẾU KẾ TOÁN

Năm 2023

Số 13

STT	Tên tài khoản	TK Đối Ứng		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	911	821	464.797.683
	Tổng cộng			464.797.683

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát

Địa chỉ: K93/2B Đường 3 tháng 2, Thuận Phước, Hải Châu

PHIẾU KẾ TOÁN

Năm 2023

Số 14

STT	Tên tài khoản	TK Đối Ứng		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển lợi nhuận chưa phân phối	911	421	1.859.190.731
	Tổng cộng			1.859.190.731

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.31 : Nhật ký chung

Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát

K93/2B Đường 3 tháng 2, Phường Thuận Phước,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Mẫu SỐ S03a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	S T	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang					
...	...	...	...			...	...	...
31/12	PKT 10	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng, doanh thu hoạt động tài chính			511	49.604.877.400	
						515	2.050.000	
						911		49.606.927.400
31/12	PKT 11	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí quản lý kinh doanh			911	47.282.938.986	
						632		44.806.167.316
						635		13.000.000
						641		463.771.000
						642		2.000.000.670
31/12	PKT 12	31/12	Thuế TNDN phải nộp			821	464.797.683	
						3334		464.797.683
31/12	PKT 13	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN			911	464.797.683	
						821		464.797.683
31/12	PKT 14	31/12	Kết chuyển lãi			911	1.859.190.731	
						421		1.859.190.731
			Cộng phát sinh				422.150.314.228	422.150.314.228

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Từ Thị Thảo

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Từ Thị Thảo

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Lục Thị Nhâm

Biểu số 2.32: Sổ cái 911

Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát

K93/2B Đường 3 tháng 2, Phường Thuận Phước,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Mẫu số S03b-DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

SỔ CÁI

Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ Số phát sinh trong kỳ			
31/12	PKT15	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng, doanh thu hoạt động tài chính	511		49.604.877.400
				515		2.050.000
31/12	PKT16	31/12	Kết chuyển GVHB, chi phí tài chính, chi phí quản lý kinh doanh	632	44.806.167.316	
				635	13.000.000	
				641	463.771.000	
				642	2.000.000.670	
31/12	PKT17	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	464.797.683	
31/12	PKT14	31/12	Kết chuyển lãi	421	1.859.190.731	
			Cộng phát sinh năm		49.606.927.400	49.606.927.400
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Từ Thị Thảo

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Từ Thị Thảo

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Lục Thị Nhâm

Biểu số 2.33: Sổ cái 421

Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát

K93/2B Đường 3 tháng 2, Phường Thuận Phước,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI
Tài khoản 421 - Lợi nhuận chưa phân phối
Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u> Số phát sinh trong kỳ			<u>2.620.154.221</u>
...	...	...	...	...	...	
20/04	PKT15	20/03	Trích quỹ đầu tư và phát triển	414	302.953.299	
20/04	PKT16	20/03	Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	418	511.234.118	
20/04	PKT17	20/03	Các quỹ khen thưởng phúc lợi	353	297.542.336	
...	...	...	...	...	...	
31/12	PKT14	31/12	Kết chuyển lãi	911		1.859.190.731
			Cộng phát sinh năm		2.610.248.138	1.859.190.731
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			<u>1.869.096.814</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Từ Thị Thảo

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Từ Thị Thảo

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Lục Thị Nhâm

Biểu số 2.34: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị báo cáo: Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát
Địa chỉ: K93/2B Đường 3 tháng 2, Phường Thuận
Phước, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Mẫu số B 02 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		49.604.877.400	36.127.164.329
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		49.604.877.400	36.127.164.329
4. Giá vốn hàng bán	11		44.806.167.316	31.843.057.301
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		4.798.710.084	4.284.107.028
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.050.000	1.378.375
7. Chi phí tài chính	22		13.000.000	11.477.000
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.000.000	11.477.000
8. Chi phí bán hàng	25		463.771.000	575.758.111
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		2.000.000.670	1.100.000.000
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		2.323.988.414	2.598.250.292
11. Thu nhập khác	31		0	0
11. Chi phí khác	32		0	0
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		0	0
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		2.323.988.414	2.598.250.292
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		464.797.683	383.787.489
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		1.859.190.731	2.214.462.803

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Từ Thị Thảo

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Từ Thị Thảo

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Lục Thị Nhâm

CHƯƠNG III: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV NAM TÀI PHÁT

3.1. Đánh giá chung về hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác tổ chức kế toán tại công ty TNHH MTV Nam Tài Phát

3.1.1. *Đánh giá chung về hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty TNHH MTV Nam Tài Phát*

Để thành công như hôm nay Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát đã đưa ra rất nhiều chính sách phù hợp với thị trường như: mở rộng, khai thác các thị trường mới, thị trường tiềm năng, tạo mối quan hệ với khách hàng mới cũng như tri ân các khách hàng quen thuộc để tạo dựng tốt mối quan hệ tốt với khách hàng... Các bộ máy tổ chức của công ty hợp lý, hoạt động hiệu quả làm công ty đạt được những kết quả tốt. Hàng năm, giám đốc đưa ra các định hướng, mục tiêu đúng đắn, những đối sách phù hợp với nền kinh tế để hoạt động kinh doanh của công ty tốt hơn.

3.1.2. *Đánh giá chung về công tác tổ chức kế toán tại công ty TNHH MTV Nam Tài Phát*

Bên cạnh đó không thể không kể đến các phòng ban trong công ty, điển hình là phòng kế toán đã góp phần không nhỏ tới hoạt động kinh doanh của công ty. Đồng thời, công ty luôn chấp hành theo đúng các chế độ kế toán hiện hành, đúng theo quy định của Bộ tài chính.

3.2. Đánh giá về công tác doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát

3.2.1. *Ưu điểm về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát*

- Tổ chức bộ máy quản lý: là doanh nghiệp vừa và nhỏ nên tổ chức một bộ máy quản lý của công ty gọn nhẹ, các phòng ban có quan hệ chặt chẽ với nhau.
- Tổ chức bộ máy kế toán: Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung nên đảm bảo tính tập trung, thống nhất, chặt chẽ với công tác kế toán, phù hợp với quy mô của Công ty.
- Hình thức kế toán: Công ty áp dụng hình thức kế toán “Nhật ký chung” là một hình thức đơn giản, dễ làm, dễ sử dụng.
- Hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách: Công ty sử dụng chứng từ theo “Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa” và Thông tư 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính

ban hành ngày 22/12/2014.

- Tất cả nghiệp vụ kinh tế phát sinh về doanh thu và chi phí đều được ghi nhận đầy đủ, chính xác, nhanh chóng.

3.2.2. Nhược điểm về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát

1/ Công ty chưa lập sổ chi tiết để theo dõi các Tài khoản.

-Việc công ty chưa lập sổ chi tiết để theo dõi các tài khoản có thể ảnh hưởng khi xảy ra sai lệch hoặc chênh lệch trong số liệu, rất khó để truy xuất nguyên nhân hoặc đối chiếu các khoản chi phí, doanh thu cụ thể. Không có sổ chi tiết khiến công ty gặp khó khăn trong việc kiểm tra từng khoản giao dịch, đặc biệt với các tài khoản lớn hoặc phức tạp. Khi không có sự theo dõi chi tiết, các giao dịch bất hợp pháp hoặc gian lận tài chính sẽ khó bị phát hiện. Đồng thời việc lập báo cáo tài chính chỉ mang tính tổng hợp, dễ xảy ra sai lệch hoặc thiếu sót.

2/ Công ty chưa ứng dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán.

-Trong thời buổi hiện nay, khoa học công nghệ thông tin ngày càng phát triển, áp dụng cho hầu hết những ngành nghề hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Do đó, việc sử dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán sẽ mang lại hiệu quả rất cao trong công việc. Khi sử dụng phần mềm kế toán để lưu trữ dữ liệu và sổ sách kế toán sẽ giảm thiểu áp lực đối với nhân viên kế toán khi lập báo cáo thuế, báo cáo tài chính. Cũng như giúp cho ban giám đốc dễ dàng nắm bắt kịp thời tình hình tài chính của công ty, để nhanh chóng đưa ra quyết định đúng đắn nhất cho sự phát triển trong tương lai của công ty.

3/ Công ty chưa nộp BHXH cho nhân viên.

- Việc công ty chưa nộp BHXH cho nhân viên là một vấn đề nghiêm trọng, gây ra nhiều ảnh hưởng trực tiếp đến cả doanh nghiệp lẫn người lao động. Dễ xảy ra tình trạng khiếu nại, thậm chí nghỉ việc, làm tăng tỷ lệ nghỉ việc và ảnh hưởng đến nguồn nhân lực. Theo Luật Bảo hiểm xã hội (2014) và Bộ luật Lao động, việc không nộp BHXH là hành vi vi phạm pháp luật sẽ bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự. Những nhân viên giỏi có thể rời đi, ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả làm việc.

3.3. Một số giải pháp nhằm cải thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh và nâng cao hiệu quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát

Giải pháp thứ nhất: Công ty nên tiến hành mở thêm sổ chi tiết về doanh thu và giá vốn hàng bán.

Hiện tại, công ty đang hoạt động chủ yếu về lĩnh vực cung cấp linh kiện điện tử và bán điện thoại,... Tuy nhiên công ty chưa mở sổ theo dõi chi tiết doanh thu, chi phí cho từng mặt hàng. Vì vậy, công ty cũng nên mở sổ chi tiết doanh thu bán hàng và sổ chi tiết bán hàng theo từng mặt hàng.

Tác dụng của việc mở sổ chi tiết cho các tài khoản 511 và 632:

Giúp phân biệt được từng loại doanh thu cũng như giá vốn, điều này giúp các nhà quản lý đánh giá được hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ nào có hiệu quả, từ đó có các biện pháp, chính sách nên tăng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ nào và nên giảm doanh thu của hàng hóa, dịch vụ nào.

Dưới đây là hai mẫu sổ chi tiết gồm Sổ chi tiết Doanh thu và Sổ chi tiết Giá vốn hàng bán dùng cho hoạt động bán hàng.

Biểu số 3.1: Sổ chi tiết bán hàng

Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát

K93/2B Đường 3 tháng 2, Phường Thuận Phước, Quận
Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Mẫu số S35-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Nhóm mặt hàng: Macbook

Năm: 2023

Quyển số: 01

NT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	SH	NT			Số lượng	Đơn Giá	Thành tiền	Thuế	Khác
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
19/03	HĐ0000213	19/03	Xuất bán Macbook cho Long Phát	112	10	14.500.000	145.000.000	14.500.000	
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
13/09	HĐ0000222	13/09	Xuất bán Macbook cho Di Động Xanh	131	20	14.500.000	290.000.000	29.000.000	
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
29/12	HĐ0000351	29/12	Xuất bán Macbook cho Tân Phát	112	5	14.500.000	72.500.000	7.250.000	
			Cộng số phát sinh		300	14.500.000	4.350.000.000	435.000.000	
			Doanh thu thuần				4.250.000.000		
			Giá vốn hàng bán				3.950.000.000		
			Lãi gộp				300.000.000		

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Biểu số 3.2: Sổ chi tiết giá vốn bán hàng

Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát

K93/2B Đường 3 tháng 2, Phường Thuận Phước, Quận
Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Mẫu số S35-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN

Nhóm mặt hàng: Macbook

Năm: 2023

Quyển số: 01

NT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Giá vốn		
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
...	...	...	...	...	...	...	...
19/03	HĐ0000213	19/03	Xuất bán Macbook cho Long Phát	156	10	12.500.000	125.000.000
...	...	...	...	...	...	...	...
13/09	HĐ0000252	13/09	Xuất bán Macbook cho Di Động Xanh	156	20	12.500.000	250.000.000
...	...	...	...	...	...	...	...
29/12	HĐ0000351	29/12	Xuất bán Macbook cho Tân Phát	156	5	12.500.000	62.500.000
			Cộng số phát sinh		300		3.950.000.000
			Ghi có TK 632				3.950.000.000
			Số dư cuối kỳ				

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Giải pháp thứ hai: Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán.

Phần mềm kế toán sẽ giúp doanh nghiệp ghi lại và xử lý các nghiệp vụ kế toán một cách dễ dàng và nhanh chóng. Với một công ty liên tục phát triển sẽ làm cho một số bộ phận trong công ty không kịp thời xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và số liệu cũng không được liên kết kịp thời. Vì vậy, giải pháp tối ưu nhất là các doanh nghiệp cần sử dụng phần mềm kế toán để kịp thời ứng phó với tình hình trên.

Công ty có thể tham khảo phần mềm MISA SME.NET là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hóa đơn, Thuế, Kho, Tài sản cố định, Công cụ dụng cụ, Tiền lương, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Tổng hợp. MISA SME.NET phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc lĩnh vực: Thương mại.

Dưới đây là hình ảnh giao diện phần mềm kế toán MISA SME.NET 2023

Chọn phần mềm lấy hóa đơn đầu ra về MISA SME hạch toán

PHÁT HÀNH HÓA ĐƠN
Giúp lấy các hóa đơn đầu ra để phát hành từ phần mềm MISA meInvoice - Phát hành hóa đơn về MISA SME để hạch toán

XỬ LÝ HÓA ĐƠN
Giúp lấy hóa đơn đầu ra để phát hành từ phần mềm của các nhà cung cấp khác qua MISA meInvoice - XỬ lý hóa đơn về MISA SME để hạch toán

Đã kết nối với MISA meInvoice - XỬ lý hóa đơn
MST: 0102041125-711.
Thông tin đơn vị nhận hóa đơn xem [tại đây](#).

Ngày hóa đơn	Số hóa đơn	Mẫu số	Ký hiệu	Mã khách hàng	Khách hàng	Mã số thuế	Tổng tiền thanh toán	Trạng thái hóa đơn	Trạng thái ghi nhận
28/02/2022	5		1C22TSL		CÔNG TY CỔ PHẦN LEVINA VIỆT...	0108763293	19.531.700.00	Hết gốc	Chưa hạch toán
04/01/2022	00000008		1C22TTT		CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN M...	0101400572	10.230.000.00	Hết gốc	Chưa hạch toán
29/03/2022	697		1C22TVV		CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI QUỐC...	0316338010	7.705.422.00	Hết gốc	Chưa hạch toán
12/09/2022	00000054		1K22TAB		VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY C...	0101243150-003	215.600.000.00	Hết gốc	Chưa hạch toán
12/09/2022	00000053		1K22TAB		VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY C...	0101243150-003	220.000.000.00	Hết gốc	Chưa hạch toán
15/09/2022	00000423		1K22TAH		CÔNG TY CỔ PHẦN MISA	0101243150	0.10	Hết gốc	Chưa hạch toán
08/09/2022	00000009		1K22TKB		CÔNG TY CỔ PHẦN MISA	0101243150	2.086.425.00	Hết gốc	Chưa hạch toán
19/05/2022	00000090		1K22TKC		CTY CP MISA	0101243150-111	205.250.000.00	Hết gốc	Chưa hạch toán
25/08/2022	00000007		1K22TIK		NCC00003	0101243150	2.200.00	Hết gốc	Chưa hạch toán
06/04/2022	00000002		1K22TVB		công ty TNHH Socola	0101243150	1.822.000.00	Hết gốc	Chưa hạch toán
25/08/2022	00000007		1K22TVT		NCC00003	0101243150	33.000.00	Hết gốc	Chưa hạch toán
29/08/2022	00000008		1K22TVT		CÔNG TY CỔ PHẦN MISA	0101243150	679.415.00	Hết gốc	Chưa hạch toán
29/03/2022	00000001		1K22TYK		công ty TNHH Socola	0101243150	2.613.00	Hết gốc	Chưa hạch toán
23/09/2022	00000044		1K22THG		CÔNG TY CỔ PHẦN MISA	0101243150	0.00	Hết gốc	Chưa hạch toán
23/09/2022	00000045		1K22THG		CÔNG TY CỔ PHẦN MISA	0101243150	0.00	Hết gốc	Chưa hạch toán

Số dòng = 22

734.130.637.10

Giải pháp thứ ba: Công ty nên đóng BHXH cho nhân viên.

Cần đóng BHXH, BHYT, BHTN cho nhân viên đầy đủ.

Trích bảo hiểm trừ vào lương của người lao động 10,5%.

- Công ty đóng trên quỹ lương tham gia bảo hiểm của người lao động, và được chia như sau:

+ Bảo hiểm xã hội (BHXH): 17%

+ 3% vào quỹ ốm đau, thai sản.

+ 14% vào quỹ hưu trí, tử tuất.

+ Bảo hiểm y tế (BHYT): 3%

+ Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN): 1%

+ Bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp (BHTNLD-BNN): 1%

Người lao động cũng đóng trên quỹ lương tham gia bảo hiểm, cụ thể:

+ Bảo hiểm xã hội (BHXH): 8%

+ Bảo hiểm y tế (BHYT): 1,5%

+ Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN): 1%

Thời điểm nộp: Bắt đầu vào quý I năm 2024 trở về sau.

Lợi ích mang lại khi đóng Bảo hiểm cho nhân viên:

Giúp nhân viên được chăm sóc sức khỏe với chi phí thấp hơn khi đi khám, chữa bệnh, được hưởng các quyền lợi như lương hưu, trợ cấp ốm đau, trợ cấp thai sản, và trợ cấp thất nghiệp khi cần. Nhân viên sẽ cảm thấy an tâm và gắn bó lâu dài với công ty nếu nhận được sự bảo vệ về tài chính và sức khỏe.

Giúp doanh nghiệp tránh được các rủi ro pháp lý. Khoản đóng bảo hiểm cho nhân viên là chi phí hợp lý được phép trừ vào thu nhập chịu thuế, giúp giảm bớt gánh nặng thuế cho doanh nghiệp.

Dù chi phí ban đầu có thể lớn, nhưng việc đóng bảo hiểm cho nhân viên là một chiến lược dài hạn đầy lợi ích cho cả doanh nghiệp và người lao động, giúp xây dựng môi trường làm việc bền vững và lành mạnh.

Biểu số 3.3: Bảng kê trích nộp các khoản theo lương

Đơn vị: CÔNG TY TNHH MTV NAM TÀI

Mẫu số 10 - LĐTL

PHÁT

Bộ phận:.....

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ TRÍCH NỘP CÁC KHOẢN THEO LƯƠNG

Tháng ... năm ...

Đơn vị tính: VND

STT	Số tháng trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	Tổng quỹ lương trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp			Kinh phí công đoàn				
			Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Số phải nộp công đoàn cấp trên	Số được đề lại chi tại đơn vị
				Trích vào chi phí	Trừ vào lương		Trích vào chi phí	Trừ vào lương		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Cộng									

Người lập bảng
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày... tháng... năm ...
Giám đốc
(Ký, họ tên)

KẾT LUẬN

Qua thời gian thực tập tại công ty TNHH MTV Nam Tài Phát đã giúp em hiểu và nhận thức được tầm quan trọng của công tác kế toán nói chung và doanh thu bán hàng nói riêng, có thể nói hạch toán kế toán bán hàng tại công ty tương đối khoa học và hợp lý.

Trong quá trình thực tập em phần nào hiểu được về công tác kế toán tại công ty cùng sự góp ý và tận tình hướng dẫn của chị kế toán giúp em nắm bắt được một số tình hình đặc điểm về công tác kế toán của công ty.

Do kiến thức và khả năng còn hạn chế, thời gian thực tập ngắn nên bài khóa luận của em không tránh khỏi thiếu sót. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của quý thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn nữa.

Cuối cùng, em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các chị kế toán của Công ty đã giúp đỡ em rất nhiều trong gian qua. Và em xin chân thành cảm ơn Thạc sĩ Phạm Minh Phương đã hướng dẫn em tận tình, tạo điều kiện để em hoàn thành khoá luận này một cách thuận lợi.

Sinh viên

Nguyễn Thanh Phương

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Tài Chính, Thông tư 200/2014/TT-BTC, ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 – Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa.
- Tài liệu, sổ sách và chứng từ thực tế tại phòng kế toán Công ty TNHH MTV Nam Tài Phát.
- Khoá luận của các anh/ chị khoá trên.
- Các trang web <https://thuvienphapluat.vn/> ... <https://ketoanthienung.net/>

PHỤ LỤC

-Hóa đơn mua vào số 145.



Website: vinhxuan.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY TÍNH VĨNH XUÂN -
CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày (Date) 10 tháng (month) 12 năm (year) 2023

Mã của cơ quan thuế (Tax authority code):

00C2463741616941169F34F5DBAA622386



Ký hiệu (Serial): VX2023

Số (No.): 145

Đơn vị bán hàng (Seller):

Mã số thuế (Tax code):

Địa chỉ (Address):

Tài khoản (A/C number): 0041000290806 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng

Họ tên người khách hàng (Representative of client):

Tên đơn vị (Client's name): CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NAM TÀI PHÁT

Mã số thuế (Tax code): 0401636723

Địa chỉ (Address): K93/2B Đường 3 Tháng 2, Phường Thuận Phước, Quận Hải Châu, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam

Địa chỉ giao hàng (Shipping Address): K93/2B Đường 3 Tháng 2, Phường Thuận Phước, Quận Hải Châu, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam

Số tài khoản (A/C number):

Hình thức thanh toán: TM/CK

Hạn thanh toán: 25/12/2023

Đơn vị tiền tệ (Currency): VND

Tỷ giá (Exchange rate):

Số PO:

Ngày tháng năm

Số BBBG: BB3024100235

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền trước thuế (Amount)	Thuế GTGT (VAT)		Tổng tiền thanh toán (Total amount)
						%	Tiền thuế (VAT Amount)	
1	2	3	4	5	6=4x5	7	8	9=6+8
1	Mạch chính VT – gigabyte- H110M-Gaming	Cái	30	1.181.818	35.454.540	10%	3.545.454	38.999.994
2	Ram Samsung DDR3	Cái	40	545.455	21.818.200	10%	2.181.820	24.000.020
3	Cạc màn hình inno3D GTX 750 TI 2GB GDDR5	Chiếc	50	1.909.091	95.454.550	10%	9.545.455	105.000.005
4	Màn hình ACO LED 23.6" 12476VWBK	Chiếc	45	2.181.818	98.181.810	10%	9.818.181	107.999.991
Tổng hợp		Không chịu thuế	Thuế suất 0%	Thuế suất 5%	Thuế suất 8%	Thuế suất 10%		Tổng cộng
Tiền hàng hóa, dịch vụ :						250.909.100		250.909.100
Tiền thuế GTGT						25.090.910		25.090.910
Tổng tiền thanh toán						276.000.010		276.000.010

Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm bảy mươi sáu triệu không trăm linh mười đồng chẵn

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY TÍNH VĨNH
XUÂN - CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG
Ký ngày: 10- 12- 2023

Trang tra cứu: <http://0100616045002hd.easyinvoice.com.vn> Mã tra cứu: C6j3y8b60451270455294800

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Đơn vị cung cấp giải pháp: Công ty cổ phần đầu tư công nghệ và thương mại SOFTDREAMS, MST: 0105987432, <https://easyinvoice.vn/>

-Phiếu nhập kho Hóa đơn mua vào số 145

CÔNG TY TNHH MTV NAM TÀI PHÁT
K93/2B Đường 3 tháng 2, Phường Thuận Phước
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Mẫu số 01 - VT
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU NHẬP KHO
Ngày 10 tháng 12 năm 2023
Số: NK000012

Nợ: 156
Có: 331

Họ và tên người giao: CÔNG TY CP MÁY TÍNH VĨNH XUÂN - CHINH NHÁNH ĐÀ NẴNG
Theo hoá đơn số 145 ngày 10 tháng 12 năm 2023 của CÔNG TY CP MÁY TÍNH VĨNH XUÂN - CN ĐN
Nhập tại kho: Kho Địa điểm:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sp, hàng hoá	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Mạch chính VT - gigabyte- H110M-Gaming		Cái	30	30	1.181.818	35.454.540
2	Ram Samsung DDR3		Cái	40	40	545.455	21.818.200
3	Cạc màn hình inno3D GTX 750 TI 2GB GDDR5		Chiếc	50	50	1.909.091	95.454.550
4	Màn hình ACO LED 23.6" 12476VW/BK		Chiếc	45	45	2.181.818	98.181.810
	Cộng						250.909.100

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai trăm năm mươi triệu chín trăm linh chín nghìn một trăm đồng chẵn
Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 10 tháng 12 năm 2023

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người giao
hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập)
(Ký, họ tên)

Tờ khai quyết toán thuế TNDN năm 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **03/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 80/2021/TT-BTC ngày 29
tháng 9 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)

(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2023 Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023)

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ: []

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: G47 - Bán lẻ (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)

[05] Tỷ lệ (%): 100,00 %

[06] Tên người nộp thuế: Công Ty TNHH Một Thành Viên Nam Tài Phát

[07] Mã số thuế: 0401636723

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	(62.485.235)
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	0
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	0
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)	B13	(62.485.235)
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	(62.485.235)
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BDS	B15	0
C	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	(62.485.235)
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
	Loại thu nhập miễn thuế		
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)	C3	0
	Trong đó:		
3.1	+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	0
3.2	+ Lỗ từ chuyển nhượng BDS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0

4	Thu nhập tính thuế (TNTT) (C4=C1-C2-C3)	C4	0
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5=C7+C8)	C6	0
	Trong đó:		
6.1	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 20%	C7	0
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C8	0
6.3	+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C8a	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi (C9=(C7 x 20%) + (C8 x C8a))	C9	0
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN (C10 = C11 + C12 + C13)	C10	0
	Trong đó:		
8.1	+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	0
8.2	+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ	C12	0
8.3	+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ	C13	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh (C17=C9-C10-C14-C15-C16)	C17	0
D	Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	D	
1	Thu nhập chịu thuế (D1 = B15)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ	D2	0
3	Thu nhập tính thuế (D3=D1-D2)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (D5=D3-D4)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này (D8=D6-D7)	D8	0
E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ (E=E1+E2+E5)	E	0
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	0
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (E2=E3+E4)	E2	0
2.1	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E3	0
2.2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	E4	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ	E6	0
G	Số thuế TNDN đã tạm nộp (G=G1+G2+G3+G4+G5)	G	0
1	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh		0
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	0
2	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS		0
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0

H	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp	H	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh ($H1=E1+E5-G2$)	H1	0
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS ($H2=E3-G4$)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ ($H3=E4-G5$)	H3	0
I	Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế ($I=E-G=I1+I2$)	I	0
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	$I1=E1+E5-G1-G2$	0
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS	$I2=E2-G3-G4-G5$	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 15 tháng 03 năm 2024

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

1. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp; BĐS: Bất động sản;
2. Chỉ tiêu G1, G3: NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này
3. Chỉ tiêu D11, G2, G4, G5: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp vào NSNN tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán. Ví dụ: NNT có kỳ tính thuế từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 thì số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm là số thuế TNDN đã nộp cho kỳ tính thuế năm 2021 tính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/3/2022.
4. Trường hợp NNT là doanh nghiệp xổ số có hoạt động sản xuất kinh doanh khác hoạt động kinh doanh xổ số thì NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp của hoạt động kinh doanh xổ số vào chỉ tiêu E1, số thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh khác vào chỉ tiêu E2, E3.
5. Các chỉ tiêu E, G: NNT không kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi khác tính đã kê khai riêng.
6. Chỉ tiêu E4, G5, H3: NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà được bàn giao kỳ này và có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ (bao gồm số tiền đã thu của các kỳ trước và kỳ này).
7. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1052: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí)
8. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1056: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí thiên nhiên (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp thu theo hiệp định, hợp đồng thăm dò, khai thác dầu khí)
9. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1057: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động xổ số kiến thiết
10. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1053: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng bất động sản



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NAM TÀI PHÁT.



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH PHÚC GIA LÂM.

